

PHƯƠNG ÁN
TỔNG THỂ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
GIAI ĐOẠN 2023 - 2030 CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, như sau:

Phần I
HIỆN TRẠNG CÁC ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Thành phố Hồ Chí Minh

1.1. Diện tích tự nhiên

Theo số liệu Kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2022 tại Quyết định số 3048/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Thành phố Hồ Chí Minh có 2.095,39 km² diện tích tự nhiên.

1.2. Quy mô dân số

Theo số liệu quản lý của Công an Thành phố Hồ Chí Minh, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Thành phố Hồ Chí Minh có quy mô dân số là 12.272.242 người, trong đó: dân số thường trú là 10.275.524 người, dân số tạm trú là 1.996.718 người.

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện

2.1. Số lượng ĐVHC cấp huyện

Thành phố Hồ Chí Minh hiện có 22 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm: 16 quận (1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, Bình Tân, Tân Bình, Gò Vấp, Phú Nhuận, Tân Phú, Bình Thạnh), 01 thành phố (Thủ Đức) và 05 huyện (Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, Cần Giờ, Nhà Bè).

2.2. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và các số liệu tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Giai đoạn 2023 - 2025: Không.

- Giai đoạn 2026 - 2030: có **01** ĐVHC (huyện Nhà Bè).

2.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: 01 (huyện Nhà Bè).

2.4. Số lượng ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp: 01 (huyện Nhà Bè).

2.5. Số lượng ĐVHC cấp huyện liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: Không.

3. Số lượng ĐVHC cấp xã

3.1. Số lượng ĐVHC cấp xã

Thành phố Hồ Chí Minh hiện có 312 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm: 249 phường, 05 thị trấn và 58 xã.

3.2. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp

Căn cứ quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và các số liệu tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Giai đoạn 2023 - 2025: có 126 đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp, trong đó, có 06 đơn vị hành chính đã sắp xếp giai đoạn 2019 - 2021, còn 120 đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp.

- Giai đoạn 2026 - 2030: có 09 đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp.

3.3. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: 52 ĐVHC.

3.4. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: 11 ĐVHC bao gồm: phường 7, 14 của quận Gò Vấp và 09 ĐVHC diện sắp xếp giai đoạn 2026 - 2030.

3.5. Số lượng ĐVHC cấp xã liên kê có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp: 06 phường.

Khi thực hiện phương án sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2030, Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh địa giới ĐVHC đối với 06 ĐVHC cấp xã liên kê (06 phường gồm: Phường 5, 10 và 13 của Quận 6; Phường 6 và 13 của quận Bình Thạnh; Phường 13 của quận Gò Vấp).

II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP HUYỆN THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện sắp xếp

1.1. Huyện Nhà Bè

1.1.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.1.2. Diện tích tự nhiên (km²): 100,56 km².

1.1.3. Quy mô dân số (người): 226.767 người.

1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.815 người, chiếm tỷ lệ 0,8%.

1.1.5. Số đơn vị hành chính trực thuộc: 07 đơn vị (01 thị trấn và 06 xã).

1.1.6. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có

1.1.7. Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kê:

- Phía Đông: giáp huyện Cần Giờ;
- Phía Tây: giáp huyện Bình Chánh;
- Phía Nam: giáp tỉnh Long An;
- Phía Bắc giáp Quận 7.

2. Hiện trạng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp

2.1. Huyện Nhà Bè

2.1.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

2.1.2. Diện tích tự nhiên (km²): 100,56 km².

2.1.3. Quy mô dân số (người): 226.767 người.

2.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.815 người, chiếm tỷ lệ 0,8%.

2.1.5. Số đơn vị hành chính trực thuộc: 07 đơn vị (01 thị trấn và 06 xã).

2.1.6. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

2.1.7. Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kê:

- Phía Đông: giáp huyện Cần Giờ;
- Phía Tây: giáp huyện Bình Chánh;
- Phía Nam: giáp tỉnh Long An;
- Phía Bắc giáp Quận 7.

3. Hiện trạng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp:

3.1. Huyện Nhà Bè

3.1.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

3.1.2. Diện tích tự nhiên (km²): 100,56 km².

3.1.3. Quy mô dân số (người): 226.767 người.

3.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.815 người, chiếm tỷ lệ 0,8%.

3.1.5. Số đơn vị hành chính trực thuộc: 07 đơn vị (01 thị trấn và 06 xã).

3.1.6. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

3.1.7. Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề:

- Phía Đông: giáp huyện Cần Giờ;
- Phía Tây: giáp huyện Bình Chánh;
- Phía Nam: giáp tỉnh Long An;
- Phía Bắc giáp Quận 7.

4. Hiện trạng đơn vị hành chính cấp huyện liên kề có điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính khi thực hiện phương án sắp xếp: Không.

III. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp

1.1. Phường Cầu Kho, Quận 1

1.1.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,34 km².

1.1.3. Quy mô dân số: 21.858 người.

1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.294 người, chiếm tỷ lệ 5,92%.

1.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kề:

- Phía Đông giáp phường Cô Giang và Quận 4;
- Phía Nam giáp Quận 4 và Quận 5;
- Phía Tây giáp phường Nguyễn Cư Trinh và Quận 5;
- Phía Bắc giáp phường Nguyễn Cư Trinh và phường Cô Giang.

1.2. Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1

1.2.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,23 km².

1.2.3. Quy mô dân số: 17.378 người.

1.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.629 người, chiếm tỷ lệ 9,37%.

1.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Nguyễn Thái Bình;
- Phía Nam phường Cô Giang và Quận 4;
- Phía Tây giáp phường Cô Giang;
- Phía Bắc giáp phường Phạm Ngũ Lão và phường Nguyễn Thái Bình.

1.3. Phường Cô Giang, Quận 1

1.3.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,36 km².

1.3.3. Quy mô dân số: 28.667 người.

1.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.732 người, chiếm tỷ lệ 6,04%.

1.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Cầu Ông Lãnh và Quận 4;
- Phía Nam giáp phường Cầu Kho và Quận 4;
- Phía Tây giáp phường Cầu Kho và phường Nguyễn Cư Trinh;
- Phía Bắc giáp các phường: Nguyễn Cư Trinh, Phạm Ngũ Lão và Cầu Ông Lãnh.

1.4. Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1

1.4.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.4.2. Diện tích tự nhiên: 0,77 km².

1.4.3. Quy mô dân số: 41.919 người.

1.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.313 người; chiếm tỷ lệ 3,13%.

1.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Cô Giang;
- Phía Tây giáp Quận 5;
- Phía Nam giáp phường Cầu Kho và Quận 5;
- Phía Bắc giáp phường Phạm Ngũ Lão và Quận 3.

1.5. Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

1.5.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.5.2. Diện tích tự nhiên: 0,49 km².

1.5.3. Quy mô dân số: 41.590 người.

1.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.245 người; chiếm tỷ lệ 7,80%.

1.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp thành phố Thủ Đức;
- Phía Tây giáp phường Cầu Ông Lãnh và phường Phạm Ngũ Lão;
- Phía Nam giáp Quận 4;
- Phía Bắc giáp phường Bến Thành và phường Bến Nghé.

1.6. Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1

1.6.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.6.2. Diện tích tự nhiên: 0,50 km².

1.6.3. Quy mô dân số: 34.047 người.

1.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.547 người; chiếm tỷ lệ 4,54%.

1.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Nguyễn Thái Bình và phường Cầu Ông Lãnh;
- Phía Tây giáp Quận 3;
- Phía Nam phường Cô Giang và phường Nguyễn Cư Trinh;
- Phía Bắc giáp phường Bến Thành.

1.7. Phường 1, Quận 3

1.7.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.7.2. Diện tích tự nhiên: 0,15 km².

1.7.3. Quy mô dân số: 12.516 người.

1.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 247 người; chiếm tỷ lệ 1,97%.

1.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 3 và phường 2;
- Phía Tây giáp Quận 10;
- Phía Nam phường 2 và Quận 10;
- Phía Bắc giáp phường 3 và Quận 10.

1.8. Phường 2, Quận 3

1.8.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.8.2. Diện tích tự nhiên: 0,15 km².

1.8.3. Quy mô dân số: 13.960 người.

1.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.031 người; chiếm tỷ lệ 7,39%.

1.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp Quận 1;
- Phía Tây giáp phường 1;
- Phía Nam giáp Quận 1, Quận 5 và Quận 10;
- Phía Bắc giáp phường 3, phường 4 và phường 5.

1.9. Phường 3, Quận 3

1.9.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.9.2. Diện tích tự nhiên: 0,16 km².

1.9.3. Quy mô dân số: 14.208 người.

1.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 842 người; chiếm tỷ lệ 5,92%.

1.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 4 và phường 5;
- Phía Tây giáp phường 1;
- Phía Nam phường 1 và phường 2;
- Phía Bắc giáp phường 4 và Quận 10.

1.10. Phường 4, Quận 3

1.10.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.10.2. Diện tích tự nhiên: 0,31 km².

1.10.3. Quy mô dân số: 29.680 người.

1.10.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 535 người; chiếm tỷ lệ 1,80%.

1.10.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.10.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 5;
- Phía Tây giáp Quận 10;
- Phía Nam giáp phường 2, phường 3 và phường 5;
- Phía Bắc giáp phường Võ Thị Sáu.

1.11. Phường 5, Quận 3

1.11.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.11.2. Diện tích tự nhiên: 0,25 km².

1.11.3. Quy mô dân số: 24.116 người.

1.11.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.726 người; chiếm tỷ lệ 7,16%.

1.11.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.11.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp Quận 1;
- Phía Tây giáp phường 4;
- Phía Nam phường 2 và Quận 1;
- Phía Bắc giáp phường 4 và phường Võ Thị Sáu.

1.12. Phường 9, Quận 3

1.12.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.12.2. Diện tích tự nhiên: 0,44 km².

1.12.3. Quy mô dân số: 31.419 người.

1.12.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 161 người; chiếm tỷ lệ 0,51%.

1.12.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.12.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Võ Thị Sáu;
- Phía Tây giáp phường 11;
- Phía Nam phường 10;
- Phía Bắc giáp các phường: 12, 13, 14 và Võ Thị Sáu.

1.13. Phường 10, Quận 3

1.13.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.13.2. Diện tích tự nhiên: 0,16 km².

1.13.3. Quy mô dân số: 10.204 người.

1.13.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 243 người; chiếm tỷ lệ 2,38%.

1.13.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.13.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 9 và phường Võ Thị Sáu;
- Phía Tây giáp phường 11;
- Phía Nam giáp Quận 10;
- Phía Bắc giáp phường 9.

1.14. Phường 11, Quận 3

1.14.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.14.2. Diện tích tự nhiên: 0,47 km².

1.14.3. Quy mô dân số: 27.116 người.

1.14.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 275 người; chiếm tỷ lệ 1,01%.

1.14.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.14.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 9 và phường 12;
- Phía Tây giáp quận Tân Bình;
- Phía Nam phường 10 và Quận 10;
- Phía Bắc giáp phường 12 và quận Phú Nhuận.

1.15. Phường 12, Quận 3

1.15.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.15.2. Diện tích tự nhiên: 0,17 km².

1.15.3. Quy mô dân số: 12.208 người.

1.15.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 77 người; chiếm tỷ lệ 0,63%.

1.15.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.15.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 13;
- Phía Tây giáp quận Phú Nhuận;
- Phía Nam phường 9 và phường 11;
- Phía Bắc giáp phường 14 và quận Phú Nhuận.

1.16. Phường 13, Quận 3

1.16.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.16.2. Diện tích tự nhiên: 0,16 km².

1.16.3. Quy mô dân số: 9.775 người.

1.16.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 176 người; chiếm tỷ lệ 1,80%.

1.16.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.16.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 14 và phường Võ Thị Sáu;
- Phía Tây giáp phường 12;
- Phía Nam giáp phường 9;
- Phía Bắc giáp phường 14.

1.17. Phường 14, Quận 3

1.17.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.17.2. Diện tích tự nhiên: 0,31 km².

1.17.3. Quy mô dân số: 19.057 người.

1.17.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 210 người; chiếm tỷ lệ 1,10%.

1.17.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.17.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Võ Thị Sáu;
- Phía Tây giáp phường 12 và quận Phú Nhuận;
- Phía Nam phường 9 và phường 13;
- Phía Bắc giáp quận Phú Nhuận.

1.18. Phường 1, Quận 4

1.18.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.18.2. Diện tích tự nhiên: 0,38 km².

1.18.3. Quy mô dân số: 27.193 người.

1.18.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 125 người; chiếm tỷ lệ 0,45%.

1.18.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.18.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 2 và phường 3;
- Phía Tây giáp Quận 1 và Quận 5;
- Phía Nam giáp Quận 7 và Quận 8;
- Phía Bắc giáp phường 2 và Quận 1.

1.19. Phường 3, Quận 4

1.19.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.19.2. Diện tích tự nhiên: 0,31 km².

1.19.3. Quy mô dân số: 17.121 người.

1.19.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 363 người; chiếm tỷ lệ 2,12%.

1.19.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.19.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 4;
- Phía Tây giáp phường 1 và phường 2;
- Phía Nam giáp Quận 7;
- Phía Bắc giáp phường 2 và phường 6.

1.20. Phường 4, Quận 4

1.20.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.20.2. Diện tích tự nhiên: 0,29 km².

1.20.3. Quy mô dân số: 19.328 người.

1.20.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 160 người; chiếm tỷ lệ 0,82%.

1.20.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.20.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 15;
- Phía Tây giáp phường 3;
- Phía Nam giáp Quận 7;
- Phía Bắc giáp phường 6 và phường 8.

1.21. Phường 6, Quận 4

1.21.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.21.2. Diện tích tự nhiên: 0,20 km².

1.21.3. Quy mô dân số: 31.169 người.

1.21.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 159 người; chiếm tỷ lệ 0,51%.

1.21.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.21.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 8;
- Phía Tây giáp phường 2;
- Phía Nam phường 3 và phường 4;
- Phía Bắc giáp phường 9 và Quận 1.

1.22. Phường 8, Quận 4

1.22.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.22.2. Diện tích tự nhiên: 0,16 km².

1.22.3. Quy mô dân số: 18.826 người.

1.22.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 339 người; chiếm tỷ lệ 1,80%.

1.22.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.22.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 10;
- Phía Tây phường 6;
- Phía Nam phường 4 và phường 15;
- Phía Bắc giáp phường 9.

1.23. Phường 9, Quận 4

1.23.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.23.2. Diện tích tự nhiên: 0,12 km².

1.23.3. Quy mô dân số: 14.187 người.

1.23.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.178 người; chiếm tỷ lệ 8,30%.

1.23.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.23.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 13;
- Phía Tây giáp phường 6;
- Phía Nam phường 8 và phường 10;
- Phía Bắc giáp phường 13 và Quận 1.

1.24. Phường 10, Quận 4

1.24.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.24.2. Diện tích tự nhiên: 0,11 km².

1.24.3. Quy mô dân số: 10.428 người.

1.24.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 111 người; chiếm tỷ lệ 1,06%.

1.24.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.24.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 13 và phường 14;
- Phía Tây giáp phường 8;
- Phía Nam phường 8 và phường 14;
- Phía Bắc giáp phường 9 và phường 13.

1.25. Phường 14, Quận 4

1.25.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.25.2. Diện tích tự nhiên: 0,17 km².

1.25.3. Quy mô dân số: 18.339 người.

1.25.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 716 người; chiếm tỷ lệ 3,90%.

1.25.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.25.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 16 và phường 18
- Phía Tây giáp phường 8 và phường 10;
- Phía Nam giáp phường 15 và phường 16;
- Phía Bắc giáp phường 13.

1.26. Phường 15, Quận 4

1.26.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.26.2. Diện tích tự nhiên: 0,22 km².

1.26.3. Quy mô dân số: 18.574 người.

1.26.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 187 người; chiếm tỷ lệ 1,006 %.

1.26.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.26.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 16;
- Phía Tây giáp phường 4;
- Phía Nam giáp Quận 7;
- Phía Bắc giáp phường 8 và phường 14.

1.27. Phường 16, Quận 4

1.27.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.27.2. Diện tích tự nhiên: 0,33 km².

1.27.3. Quy mô dân số: 22.587 người.

1.27.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 439 người; chiếm tỷ lệ 1,94%.

1.27.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.27.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 18;
- Phía Tây phường 14 và phường 15;
- Phía Nam giáp Quận 7;
- Phía Bắc giáp phường 13 và phường 18.

1.28. Phường 18, Quận 4

1.28.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.28.2. Diện tích tự nhiên: 0,70 km².

1.28.3. Quy mô dân số: 17.208 người.

1.28.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 321 người; chiếm tỷ lệ 1,86%.

1.28.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.28.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp thành phố Thủ Đức và Quận 7;
- Phía Tây giáp phường 16;
- Phía Nam giáp Quận 7;
- Phía Bắc giáp phường 13 và thành phố Thủ Đức.

1.29. Phường 1, Quận 5

1.29.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.29.2. Diện tích tự nhiên: 0,43 km².

1.29.3. Quy mô dân số: 30.954 người.

1.29.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.525 người; chiếm tỷ lệ 8,16%.

1.29.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.29.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp Quận 1 và Quận 4;
- Phía Tây giáp phường 5 và phường 7;
- Phía Nam giáp Quận 8;
- Phía Bắc giáp phường 2.

1.30. Phường 2, Quận 5

1.30.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.30.2. Diện tích tự nhiên: 0,29 km².

1.30.3. Quy mô dân số: 16.289 người.

1.30.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.657 người; chiếm tỷ lệ 22,45%.

1.30.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.30.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp Quận 1;
- Phía Tây giáp phường 7 và phường 8;
- Phía Nam giáp phường 1;
- Phía Bắc giáp phường 3.

1.31. Phường 3, Quận 5

1.31.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.31.2. Diện tích tự nhiên: 0,18 km².

1.31.3. Quy mô dân số: 14.871 người.

1.31.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.929 người; chiếm tỷ lệ 12,97%.

1.31.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.31.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp Quận 1;
- Phía Tây giáp phường 8 và phường 9;
- Phía Nam giáp phường 2;
- Phía Bắc giáp phường 4.

1.32. Phường 4, Quận 5

1.32.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.32.2. Diện tích tự nhiên: 0,38 km².

1.32.3. Quy mô dân số: 22.546 người.

1.32.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.717 người; chiếm tỷ lệ 7,62%.

1.32.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.32.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp Quận 1;
- Phía Tây giáp phường 9 và Quận 10;
- Phía Nam giáp phường 3;
- Phía Bắc giáp Quận 10 và Quận 3.

1.33. Phường 5, Quận 5

1.33.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.33.2. Diện tích tự nhiên: 0,23 km².

1.33.3. Quy mô dân số: 16.424 người.

1.33.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.173 người; chiếm tỷ lệ 31,50%.

1.33.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.33.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 1;
- Phía Tây giáp phường 6;
- Phía Nam giáp Quận 8;
- Phía Bắc giáp phường 2 và phường 7.

1.34. Phường 6, Quận 5

1.34.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.34.2. Diện tích tự nhiên: 0,23 km².

1.34.3. Quy mô dân số: 9.722 người.

1.34.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 4.895 người; chiếm tỷ lệ 50,35%.

1.34.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.34.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 5;
- Phía Tây giáp phường 10;
- Phía Nam giáp Quận 8;
- Phía Bắc giáp phường 7.

1.35. Phường 7, Quận 5

1.35.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.35.2. Diện tích tự nhiên: 0,25 km².

1.35.3. Quy mô dân số: 18.897 người.

1.35.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 7.302 người; chiếm tỷ lệ 38,64%.

1.35.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.35.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 2;
- Phía Tây giáp phường 11;
- Phía Nam giáp phường 5 và phường 6;
- Phía Bắc giáp phường 8.

1.36. Phường 8, Quận 5

1.36.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.36.2. Diện tích tự nhiên: 0,23 km².

1.36.3. Quy mô dân số: 21.188 người.

1.36.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.722 người; chiếm tỷ lệ 27,01%.

1.36.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.36.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 3;
- Phía Tây giáp phường 11;
- Phía Nam giáp phường 7;
- Phía Bắc giáp phường 9.

1.37. Phường 9, Quận 5

1.37.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.37.2. Diện tích tự nhiên: 0,38 km².

1.37.3. Quy mô dân số: 27.471 người.

1.37.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.599 người; chiếm tỷ lệ 9,46%.

1.37.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.37.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 4;
- Phía Tây giáp phường 12;
- Phía Nam giáp phường 8;
- Phía Bắc giáp Quận 10.

1.38. Phường 10, Quận 5

1.38.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.38.2. Diện tích tự nhiên: 0,23 km².

1.38.3. Quy mô dân số: 12.872 người.

1.38.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.965 người; chiếm tỷ lệ 30,80%.

1.38.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.38.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 6;
- Phía Tây giáp phường 13 và phường 14;
- Phía Nam giáp Quận 8;
- Phía Bắc giáp phường 11.

1.39. Phường 11, Quận 5

1.39.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.39.2. Diện tích tự nhiên: 0,31 km².

1.39.3. Quy mô dân số: 28.931 người.

1.39.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 7.065 người; chiếm tỷ lệ 24,42%.

1.39.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.39.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 7 và phường 8;
- Phía Tây giáp phường 14;
- Phía Nam giáp phường 10;
- Phía Bắc giáp phường 12.

1.40. Phường 13, Quận 5

1.40.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.40.2. Diện tích tự nhiên: 0,27 km².

1.40.3. Quy mô dân số: 22.532 người.

1.40.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 4.548 người; chiếm tỷ lệ 20,18%.

1.40.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.40.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 10;
- Phía Tây giáp Quận 6;
- Phía Nam giáp Quận 8;
- Phía Bắc giáp phường 14.

1.41. Phường 14, Quận 5

1.41.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.41.2. Diện tích tự nhiên: 0,28 km².

1.41.3. Quy mô dân số: 20.556 người.

1.41.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.665 người; chiếm tỷ lệ 27,56%.

1.41.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.41.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 11;
- Phía Tây giáp Quận 6;
- Phía Nam giáp phường 10 và phường 13;
- Phía Bắc giáp phường 12.

1.42. Phường 1, Quận 6

1.42.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.42.2. Diện tích tự nhiên: 0,29 km².

1.42.3. Quy mô dân số: 25.373 người.

1.42.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 6.909 người; chiếm tỷ lệ 27,23%.

1.42.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.42.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp Quận 5;
- Phía Tây giáp phường 3 và phường 4;
- Phía Nam giáp Quận 8;
- Phía Bắc giáp phường 2.

1.43. Phường 2, Quận 6

1.43.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.43.2. Diện tích tự nhiên: 0,24 km².

1.43.3. Quy mô dân số: 12.219 người.

1.43.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.545 người; chiếm tỷ lệ 29,01%.

1.43.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.43.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp Quận 5;
- Phía Tây giáp phường 5 và phường 6;
- Phía Nam giáp phường 1;
- Phía Bắc giáp Quận 5 và Quận 11.

1.44. Phường 3, Quận 6

1.44.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.44.2. Diện tích tự nhiên: 0,23 km².

1.44.3. Quy mô dân số: 11.034 người.

1.44.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.561 người; chiếm tỷ lệ 14,15%.

1.44.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.44.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 1;
- Phía Tây giáp phường 7 và phường 8;
- Phía Nam giáp Quận 8;
- Phía Bắc giáp phường 4.

1.45. Phường 4, Quận 6

1.45.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.45.2. Diện tích tự nhiên: 0,21 km².

1.45.3. Quy mô dân số: 19.164 người.

1.45.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 6.163 người; chiếm tỷ lệ 32,16%.

1.45.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.45.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 1;
- Phía Tây giáp phường 8;
- Phía Nam giáp phường 3;
- Phía Bắc giáp phường 5.

1.46. Phường 5, Quận 6

1.46.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.46.2. Diện tích tự nhiên: 0,23 km².

1.46.3. Quy mô dân số: 14.880 người.

1.46.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.675 người; chiếm tỷ lệ 38,14%.

1.46.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.46.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 2;
- Phía Tây giáp phường 11;
- Phía Nam giáp phường 4 và phường 8;
- Phía Bắc giáp phường 6 và phường 9.

1.47. Phường 6, Quận 6

1.47.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.47.2. Diện tích tự nhiên: 0,31 km².

1.47.3. Quy mô dân số: 20.884 người.

1.47.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 7.381 người; chiếm tỷ lệ 35,34%.

1.47.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.47.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 2;
- Phía Tây giáp phường 9;
- Phía Nam giáp phường 2 và phường 5;
- Phía Bắc giáp Quận 11.

1.48. Phường 7, Quận 6

1.48.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.48.2. Diện tích tự nhiên: 0,47 km².

1.48.3. Quy mô dân số: 13.660 người.

1.48.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.325 người; chiếm tỷ lệ 24,34%.

1.48.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.48.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 3;
- Phía Tây giáp phường 10;
- Phía Nam giáp Quận 8;
- Phía Bắc giáp phường 8.

1.49. Phường 8, Quận 6

1.49.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.49.2. Diện tích tự nhiên: 0,41 km².

1.49.3. Quy mô dân số: 24.017 người.

1.49.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 6.699 người; chiếm tỷ lệ 27,89%.

1.49.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.49.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 4;
- Phía Tây giáp phường 11;
- Phía Nam giáp phường 7;
- Phía Bắc giáp phường 5.

1.50. Phường 9, Quận 6

1.50.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.50.2. Diện tích tự nhiên: 0,27 km².

1.50.3. Quy mô dân số: 15.184 người.

1.50.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 4.534 người; chiếm tỷ lệ 29,86%.

1.50.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.50.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 6;
- Phía Tây giáp phường 12;
- Phía Nam giáp phường 5 và phường 12;
- Phía Bắc giáp Quận 11.

1.51. Phường 10, Quận 6

1.51.1. Thuộc khu vực đồng bằng

1.51.2. Diện tích tự nhiên: 1,55 (km²).

1.51.3. Quy mô dân số: 42.631 (người).

1.51.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.534 người; chiếm tỷ lệ 8,29%.

1.51.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.51.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông tiếp giáp với Phường 9;
- Phía Tây giáp với quận Bình Tân;
- Phía Nam tiếp giáp với Phường 5;
- Phía Bắc giáp với Phường 1 và phường 2, Quận 11.

1.52. Phường 11, Quận 6

1.52.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.52.2. Diện tích tự nhiên: 0,92 km².

1.52.3. Quy mô dân số: 34.305 người.

1.52.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.454 người; chiếm tỷ lệ 10,07%.

1.52.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.52.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 5 và phường 8;
- Phía Tây giáp quận Bình Tân;
- Phía Nam giáp phường 8 và phường 10;
- Phía Bắc giáp phường 12.

1.53. Phường 12, Quận 6

1.53.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.53.2. Diện tích tự nhiên: 0,73 km².

1.53.3. Quy mô dân số: 32.127 người.

1.53.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.801 người; chiếm tỷ lệ 5,61%.

1.53.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.53.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 9;
- Phía Tây giáp phường 13;
- Phía Nam giáp phường 11;
- Phía Bắc giáp phường 14.

1.54. Phường 13, Quận 6

1.54.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.54.2. Diện tích tự nhiên: 0,84 km².

1.54.3. Quy mô dân số: 24.407 người.

1.54.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.023 người; chiếm tỷ lệ 4,19%.

1.54.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.54.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 12;
- Phía Tây giáp quận Bình Tân;
- Phía Nam giáp phường 12;
- Phía Bắc giáp phường 14.

1.55. Phường 14, Quận 6

1.55.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.55.2. Diện tích tự nhiên: 0,43 km².

1.55.3. Quy mô dân số: 26.817 người.

1.55.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.562 người; chiếm tỷ lệ 9,55%.

1.55.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.55.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp Quận 11;
- Phía Tây giáp quận Bình Tân;
- Phía Nam giáp phường 12 và phường 13;
- Phía Bắc giáp quận Tân Phú.

1.56. Phường Tân Kiểng, Quận 7

1.56.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.56.2. Diện tích tự nhiên: 1,00 km².

1.56.3. Quy mô dân số: 33.491 người.

1.56.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 119 người; chiếm tỷ lệ 0,36%.

1.56.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.56.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Tân Thuận Tây;
- Phía Tây giáp phường Tân Hưng;
- Phía Nam giáp phường Tân Quy;
- Phía Bắc giáp Quận 4.

1.57. Phường Tân Quy, Quận 7

1.57.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.57.2. Diện tích tự nhiên: 0,86 km².

1.57.3. Quy mô dân số: 32.004 người.

1.57.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 161 người; chiếm tỷ lệ 0,50%.

1.57.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.57.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Bình Thuận;
- Phía Tây giáp phường Tân Hưng;
- Phía Nam giáp phường Tân Phong và phường Tân Phú;
- Phía Bắc giáp phường Tân Kiểng.

1.58. Phường Tân Thuận Tây, Quận 7

1.58.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.58.2. Diện tích tự nhiên: 1,05 km².

1.58.3. Quy mô dân số: 31.016 người.

1.58.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 139 người; chiếm tỷ lệ 0,45%.

1.58.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.58.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Tân Thuận Đông;
- Phía Tây giáp phường Tân Kiểng;
- Phía Nam giáp phường Bình Thuận;
- Phía Bắc giáp phường Tân Thuận Đông và Quận 4.

1.59. Phường Bình Thuận, Quận 7

1.59.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.59.2. Diện tích tự nhiên: 1,62 km².

1.59.3. Quy mô dân số: 33.755 người.

1.59.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 399 người; chiếm tỷ lệ 1,18 %.

1.59.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.59.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Tân Thuận Đông;
- Phía Tây giáp phường Tân Kiểng;
- Phía Nam giáp phường Bình Thuận;
- Phía Bắc giáp phường Tân Thuận Tây

1.60. Phường 1, Quận 8

1.60.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.60.2. Diện tích tự nhiên: 0,49 km².

1.60.3. Quy mô dân số: 24.233 người.

1.60.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.886 người; chiếm tỷ lệ 0,78%.

1.60.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.60.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp Quận 7;
- Phía Tây giáp phường 2;
- Phía Nam giáp huyện Bình Chánh;
- Phía Bắc giáp Quận 4.

1.61. Phường 2, Quận 8

1.61.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.61.2. Diện tích tự nhiên: 0,50 km².

1.61.3. Quy mô dân số: 28.068 người.

1.61.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 829 người; chiếm tỷ lệ 2,95%.

1.61.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.61.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 1;
- Phía Tây giáp phường 3;
- Phía Nam giáp huyện Bình Chánh;
- Phía Bắc giáp phường 8 và Quận 5.

1.62. Phường 3, Quận 8

1.62.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.62.2. Diện tích tự nhiên: 0,51 km².

1.62.3. Quy mô dân số: 28.573 người.

1.62.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.848 người; chiếm tỷ lệ 9,96%.

1.62.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.62.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 2;
- Phía Tây giáp phường 4;
- Phía Nam giáp huyện Bình Chánh;
- Phía Bắc giáp phường 8.

1.63. Phường 6, Quận 8

1.63.1. Thuộc khu vực đồng bằng

1.63.2. Diện tích tự nhiên (km²): 1,47 km²

1.63.3. Quy mô dân số (người): 41.264 người

1.63.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1311 người; chiếm tỷ lệ 3,18%.

1.63.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.63.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

Phía Đông giáp phường 5;

Phía Tây giáp phường 15;

Phía Nam giáp xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh;

Phía Bắc giáp Phường 14.

1.64. Phường 8, Quận 8

1.64.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.64.2. Diện tích tự nhiên: 0,30 km².

1.64.3. Quy mô dân số: 11.970 người.

1.64.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 552 người; chiếm tỷ lệ 4,61%.

1.64.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.64.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 2 và phường 3;
- Phía Tây giáp phường 9;
- Phía Nam giáp phường 3 và phường 4;
- Phía Bắc giáp Quận 5.

1.65. Phường 9, Quận 8

1.65.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.65.2. Diện tích tự nhiên: 0,45 km².

1.65.3. Quy mô dân số: 19.760 người.

1.65.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.571 người; chiếm tỷ lệ 7,95%.

1.65.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.65.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 8;
- Phía Tây giáp phường 10;
- Phía Nam giáp phường 4 và phường 5;
- Phía Bắc giáp Quận 5.

1.66. Phường 10, Quận 8

1.66.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.66.2. Diện tích tự nhiên: 0,25 km².

1.66.3. Quy mô dân số: 18.683 người.

1.66.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 655 người; chiếm tỷ lệ 3,51%.

1.66.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.66.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 9;
- Phía Tây giáp phường 11;
- Phía Nam giáp phường 5 và phường 9;
- Phía Bắc giáp phường 11.

1.67. Phường 11, Quận 8

1.67.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.67.2. Diện tích tự nhiên: 0,27 km².

1.67.3. Quy mô dân số: 8.519 người.

1.66.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.714 người; chiếm tỷ lệ 43,59%.

1.67.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.67.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 9 và phường 10;
- Phía Tây giáp phường 13;
- Phía Nam giáp phường 10 và phường 12;
- Phía Bắc giáp Quận 5.

1.68. Phường 12, Quận 8

1.68.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.68.2. Diện tích tự nhiên: 0,30 km².

1.68.3. Quy mô dân số: 14.888 người.

1.68.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 4.930 người; chiếm tỷ lệ 33,11%.

1.68.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.68.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 11;
- Phía Tây giáp phường 14;
- Phía Nam giáp phường 5 và phường 6;
- Phía Bắc giáp phường 13.

1.69. Phường 13, Quận 8

1.69.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.69.2. Diện tích tự nhiên: 0,26 km².

1.69.3. Quy mô dân số: 9.704 người.

1.69.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.558 người; chiếm tỷ lệ 36,66%.

1.69.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.69.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 11;
- Phía Tây giáp Quận 6;
- Phía Nam giáp phường 12 và phường 14;
- Phía Bắc giáp Quận 5.

1.70. Phường 14, Quận 8

1.70.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.70.2. Diện tích tự nhiên: 0,55 km².

1.70.3. Quy mô dân số: 20.075 người.

1.70.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.327 người; chiếm tỷ lệ 11,59%.

1.70.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.70.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 6 và phường 12;
- Phía Tây giáp Quận 6;
- Phía Nam giáp phường 6 và phường 15;
- Phía Bắc giáp phường 13 và Quận 6.

1.71. Phường 15, Quận 8

1.71.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.71.2. Diện tích tự nhiên: 1,53 (km²).

1.71.3. Quy mô dân số: 43.334 (người).

1.71.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 4087 người; chiếm tỷ lệ 9,43%.

1.71.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.71.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Bắc giáp phường 7 Quận 6.
- Phía Bắc Đông Bắc giáp phường 14 Quận 8.
- Phía Đông Bắc giáp phường 6 Quận 8.
- Phía Nam giáp phường 7 Quận 8.
- Phía Tây giáp phường 16 Quận 8.

1.72. Phường 1, Quận 10

1.72.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.72.2. Diện tích tự nhiên: 0,21 km².

1.72.3. Quy mô dân số: 12.345 người.

1.72.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.280 người; chiếm tỷ lệ 18,47%.

1.72.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.72.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp Quận 3;
- Phía Tây giáp phường 2;
- Phía Nam giáp Quận 5;
- Phía Bắc giáp Quận 3.

1.73. Phường 4, Quận 10

1.73.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.73.2. Diện tích tự nhiên: 0,17 km².

1.73.3. Quy mô dân số: 11.315 người.

1.73.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.773 người; chiếm tỷ lệ 24,51%.

1.73.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.73.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 2;
- Phía Tây giáp phường 5 và phường 8;
- Phía Nam giáp phường 2, phường 5 và Quận 5;
- Phía Bắc giáp phường 9.

1.74. Phường 5, Quận 10

1.74.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.74.2. Diện tích tự nhiên: 0,16 km².

1.74.3. Quy mô dân số: 21.880 người.

1.74.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 4.512 người; chiếm tỷ lệ 20,62%.

1.74.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.74.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 4;
- Phía Tây giáp phường 6;
- Phía Nam giáp Quận 5;
- Phía Bắc giáp phường 8.

1.75. Phường 6, Quận 10

1.75.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.75.2. Diện tích tự nhiên: 0,22 km².

1.75.3. Quy mô dân số: 11.872 người.

1.75.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 959 người; chiếm tỷ lệ 8,07%.

1.75.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.75.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 5 và phường 8;
- Phía Tây giáp phường 7;
- Phía Nam giáp Quận 5;
- Phía Bắc giáp phường 14.

1.76. Phường 7, Quận 10

1.76.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.76.2. Diện tích tự nhiên: 0,11 km².

1.76.3. Quy mô dân số: 6.133 người.

1.76.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.423 người; chiếm tỷ lệ 23,20%.

1.76.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.76.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 6;
- Phía Tây giáp Quận 11;
- Phía Nam giáp Quận 5;
- Phía Bắc giáp phường 14.

1.77. Phường 8, Quận 10

1.77.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.77.2. Diện tích tự nhiên: 0,15 km².

1.77.3. Quy mô dân số: 8.876 người.

1.77.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.575 người; chiếm tỷ lệ 40,27%.

1.77.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.77.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 4 và phường 9;
- Phía Tây giáp phường 6;
- Phía Nam giáp phường 5;
- Phía Bắc giáp phường 12 và phường 14.

1.78. Phường 9, Quận 10

1.78.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.78.2. Diện tích tự nhiên: 0,20 km².

1.78.3. Quy mô dân số: 14.694 người.

1.78.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.292 người; chiếm tỷ lệ 8,79%.

1.78.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.78.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 2;
- Phía Tây giáp phường 8;
- Phía Nam giáp phường 2 và phường 4;
- Phía Bắc giáp phường 10 và phường 12.

1.79. Phường 10, Quận 10

1.79.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.79.2. Diện tích tự nhiên: 0,18 km².

1.79.3. Quy mô dân số: 22.392 người.

1.79.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 505 người; chiếm tỷ lệ 2,26%.

1.79.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.79.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp Quận 3;
- Phía Tây giáp phường 12;
- Phía Nam giáp phường 9;
- Phía Bắc giáp phường 11 và phường 12.

1.80. Phường 11, Quận 10

1.80.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.80.2. Diện tích tự nhiên: 0,22 km².

1.80.3. Quy mô dân số: 14.207 người.

1.80.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 437 người; chiếm tỷ lệ 3,07%.

1.80.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.80.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp Quận 3;
- Phía Tây giáp phường 12;
- Phía Nam giáp phường 10 và Quận 3;
- Phía Bắc giáp phường 12 và Quận 3.

1.81. Phường 13, Quận 10

1.81.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.81.2. Diện tích tự nhiên: 0,47 km².

1.81.3. Quy mô dân số: 26.472 người.

1.81.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 535 người; chiếm tỷ lệ 2,02%.

1.81.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.81.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 12 và Quận 3;
- Phía Tây giáp phường 15;
- Phía Nam giáp phường 12;
- Phía Bắc giáp phường 15 và Quận 3.

1.82. Phường 1, Quận 11

1.82.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.82.2. Diện tích tự nhiên: 0,27 km².

1.82.3. Quy mô dân số: 19.730 người.

1.82.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.191 người; chiếm tỷ lệ 16,17%.

1.82.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.82.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 2;
- Phía Tây giáp Quận 6;
- Phía Nam giáp Quận 6;
- Phía Bắc giáp phường 3 và phường 10.

1.83. Phường 2, Quận 11

- 1.83.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.83.2. Diện tích tự nhiên: 0,21 km².
- 1.83.3. Quy mô dân số: 11.967 người.
- 1.83.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.074 người; chiếm tỷ lệ 42,39%.
- 1.83.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.83.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 16;
 - Phía Tây giáp phường 1;
 - Phía Nam giáp phường 16 và Quận 6;
 - Phía Bắc giáp phường 8, phường 9 và phường 10.

1.84. Phường 3, Quận 11

- 1.84.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.84.2. Diện tích tự nhiên: 0,79 km².
- 1.84.3. Quy mô dân số: 34.822 người.
- 1.84.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 7.974 người; chiếm tỷ lệ 23,89%.
- 1.84.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.84.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 10;
 - Phía Tây giáp quận Tân Phú;
 - Phía Nam giáp phường 1 và Quận 6;
 - Phía Bắc giáp phường 5 và quận Tân Phú.

1.85. Phường 4, Quận 11

- 1.85.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.85.2. Diện tích tự nhiên: 0,17 km².
- 1.85.3. Quy mô dân số: 11.775 người.
- 1.85.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.884 người; chiếm tỷ lệ 44,97%.
- 1.85.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.85.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 7;
 - Phía Tây giáp phường 16;
 - Phía Nam giáp Quận 5;

- Phía Bắc giáp phường 6.

1.86. Phường 5, Quận 11

1.86.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.86.2. Diện tích tự nhiên: 0,67 km².

1.86.3. Quy mô dân số: 41.782 người.

1.86.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 7.304 người; chiếm tỷ lệ 17,48%.

1.86.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.86.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 14;
- Phía Tây giáp quận Tân Phú;
- Phía Nam giáp phường 3 và phường 10;
- Phía Bắc giáp quận Tân Phú và quận Tân Bình.

1.87. Phường 6, Quận 11

1.87.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.87.2. Diện tích tự nhiên: 0,17 km².

1.87.3. Quy mô dân số: 12.865 người.

1.87.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 7.047 người; chiếm tỷ lệ 54,77%.

1.87.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.87.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 7;
- Phía Tây giáp phường 12 và phường 16;
- Phía Nam giáp phường 4;
- Phía Bắc giáp phường 12.

1.88. Phường 7, Quận 11

1.88.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.88.2. Diện tích tự nhiên: 0,16 km².

1.88.3. Quy mô dân số: 15.861 người.

1.88.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.069 người; chiếm tỷ lệ 31,95%.

1.88.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.88.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp Quận 10;

- Phía Tây giáp phường 6;
- Phía Nam giáp phường 4 và Quận 5;
- Phía Bắc giáp phường 15.

1.89. Phường 8, Quận 11

- 1.89.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.89.2. Diện tích tự nhiên: 0,33 km².
- 1.89.3. Quy mô dân số: 22.339 người.
- 1.89.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 9.056 người; chiếm tỷ lệ 40,53%.
- 1.89.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.89.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 12 và phường 13;
 - Phía Tây giáp phường 9;
 - Phía Nam giáp phường 2 và phường 16;
 - Phía Bắc giáp phường 11.

1.90. Phường 9, Quận 11

- 1.90.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.90.2. Diện tích tự nhiên: 0,15 km².
- 1.90.3. Quy mô dân số: 13.905 người.
- 1.90.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 9.505 người; chiếm tỷ lệ 68,35%.
- 1.90.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.90.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 8;
 - Phía Tây giáp phường 10;
 - Phía Nam giáp phường 2;
 - Phía Bắc giáp phường 11.

1.91. Phường 10, Quận 11

- 1.91.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.91.2. Diện tích tự nhiên: 0,25 km².
- 1.91.3. Quy mô dân số: 15.623 người.
- 1.91.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 4.020 người; chiếm tỷ lệ 25,73%.
- 1.91.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.91.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 9;
- Phía Tây giáp phường 3;
- Phía Nam giáp phường 1 và phường 2;
- Phía Bắc giáp phường 4 và phường 14.

1.92. Phường 11, Quận 11

1.92.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.92.2. Diện tích tự nhiên: 0,24 km².

1.92.3. Quy mô dân số: 15.887 người.

1.92.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.777 người; chiếm tỷ lệ 23,77%.

1.92.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.92.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 15;
- Phía Tây giáp phường 14;
- Phía Nam giáp phường 8, phường 9 và phường 13;
- Phía Bắc giáp quận Tân Bình.

1.93. Phường 12, Quận 11

1.93.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.93.2. Diện tích tự nhiên: 0,13 km².

1.93.3. Quy mô dân số: 15.459 người.

1.93.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.594 người; chiếm tỷ lệ 36,18%.

1.93.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.93.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 6 và phường 7;
- Phía Tây giáp phường 8;
- Phía Nam giáp phường 6 và phường 16;
- Phía Bắc giáp phường 13.

1.94. Phường 13, Quận 11

1.94.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.94.2. Diện tích tự nhiên: 0,18 km².

1.94.3. Quy mô dân số: 14.601 người.

1.94.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.028 người; chiếm tỷ lệ 34,43%.

1.94.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.94.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 15;
- Phía Tây giáp phường 11;
- Phía Nam giáp phường 8 và phường 12;
- Phía Bắc giáp phường 11 và phường 15.

1.95. Phường 14, Quận 11

1.95.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.95.2. Diện tích tự nhiên: 0,31 km².

1.95.3. Quy mô dân số: 17.622 người.

1.95.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 6.411 người; chiếm tỷ lệ 36,38%.

1.95.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.95.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 11 và quận Tân Bình;
- Phía Tây giáp phường 5;
- Phía Nam giáp phường 9 và phường 10;
- Phía Bắc giáp quận Tân Bình.

1.96. Phường 15, Quận 11

1.96.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.96.2. Diện tích tự nhiên: 0,81 km².

1.96.3. Quy mô dân số: 30.423 người.

1.96.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 782 người; chiếm tỷ lệ 2,37%.

1.96.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.96.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp Quận 10;
- Phía Tây giáp quận Tân Bình;
- Phía Nam giáp phường 7, phường 11 và phường 13;
- Phía Bắc giáp Quận 10 và quận Tân Bình.

1.97. Phường 16, Quận 11

1.97.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.97.2. Diện tích tự nhiên: 0,30 km².

1.97.3. Quy mô dân số: 16.141 người.

1.97.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 9.445 người; chiếm tỷ lệ 57,51%.

1.97.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.97.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 4 và Quận 5;

- Phía Tây giáp phường 2;

- Phía Nam giáp Quận 6;

- Phía Bắc giáp phường 6 và phường 8.

1.98. Phường An Lạc A, quận Bình Tân

1.98.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.98.2. Diện tích tự nhiên: 1,16 km².

1.98.3. Quy mô dân số: 30.997 người.

1.98.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 0 người; chiếm tỷ lệ 0%.

1.98.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.98.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 13, Quận 6;

- Phía Tây giáp phường Bình Trị Đông B;

- Phía Nam giáp phường An Lạc;

- Phía Bắc giáp phường Bình Trị Đông.

1.99. Phường 1, quận Bình Thạnh

1.99.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.99.2. Diện tích tự nhiên: 0,27 km².

1.99.3. Quy mô dân số: 17.164 người.

1.99.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 741 người; chiếm tỷ lệ 4,32%.

1.99.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.99.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 2;

- Phía Tây giáp phường 3;

- Phía Nam giáp Quận 1;

- Phía Bắc giáp phường 14.

1.100. Phường 2, quận Bình Thạnh

- 1.100.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.100.2. Diện tích tự nhiên: 0,32 km².
- 1.100.3. Quy mô dân số: 20.856 người.
- 1.100.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 552 người; chiếm tỷ lệ 2,65%.
- 1.100.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.100.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 15;
 - Phía Tây giáp phường 1;
 - Phía Nam giáp Quận 1;
 - Phía Bắc giáp phường 14 và phường 24.

1.101. Phường 3, quận Bình Thạnh

- 1.101.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.101.2. Diện tích tự nhiên: 0,46 km².
- 1.101.3. Quy mô dân số: 35.107 người.
- 1.101.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 251 người; chiếm tỷ lệ 0,71%.
- 1.101.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.101.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 1;
 - Phía Tây giáp quận Phú Nhuận;
 - Phía Nam giáp Quận 1;
 - Phía Bắc giáp phường 6, phường 7 và phường 14.

1.102. Phường 5, quận Bình Thạnh

- 1.102.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.102.2. Diện tích tự nhiên: 0,37 km².
- 1.102.3. Quy mô dân số: 17.211 người.
- 1.102.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 311 người; chiếm tỷ lệ 1,81%.
- 1.102.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.102.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 11;
 - Phía Tây giáp quận Gò Vấp;
 - Phía Nam giáp phường 6 và phường 7;
 - Phía Bắc giáp quận Gò Vấp.

1.103. Phường 6, quận Bình Thạnh

- 1.103.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.103.2. Diện tích tự nhiên: 0,30 km².
- 1.103.3. Quy mô dân số: 17.416 người.
- 1.103.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 209 người; chiếm tỷ lệ 1,20%.
- 1.103.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.103.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 7;
 - Phía Tây giáp quận Phú Nhuận;
 - Phía Nam giáp phường 3 và quận Phú Nhuận;
 - Phía Bắc giáp phường 5.

1.104. Phường 7, quận Bình Thạnh

- 1.104.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.104.2. Diện tích tự nhiên: 0,40 km².
- 1.104.3. Quy mô dân số: 33.102 người.
- 1.104.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 314 người; chiếm tỷ lệ 0,95%.
- 1.104.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.104.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 14;
 - Phía Tây giáp phường 5 và phường 6;
 - Phía Nam giáp phường 3 và phường 6;
 - Phía Bắc giáp phường 11.

1.105. Phường 11, quận Bình Thạnh

- 1.105.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.105.2. Diện tích tự nhiên: 0,77 km².
- 1.105.3. Quy mô dân số: 38.861 người.
- 1.105.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 932 người; chiếm tỷ lệ 2,40%.
- 1.105.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.105.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 12;
 - Phía Tây giáp quận Gò Vấp;
 - Phía Nam giáp phường 5, phường 7 và phường 14;
 - Phía Bắc giáp phường 13 và quận Gò Vấp.

1.106. Phường 14, quận Bình Thạnh

- 1.106.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.106.2. Diện tích tự nhiên: 0,32 km².
- 1.106.3. Quy mô dân số: 12.369 người.
- 1.106.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 127 người; chiếm tỷ lệ 1,03%.
- 1.106.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.106.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
- Phía Đông giáp phường 24;
 - Phía Tây giáp phường 7;
 - Phía Nam giáp phường 1, phường 2 và phường 3;
 - Phía Bắc giáp phường 5 và phường 11.

1.107. Phường 15, quận Bình Thạnh

- 1.107.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.107.2. Diện tích tự nhiên: 0,52 km².
- 1.107.3. Quy mô dân số: 24.641 người.
- 1.107.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 246 người; chiếm tỷ lệ 1,00%.
- 1.107.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.107.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
- Phía Đông giáp phường 17;
 - Phía Tây giáp phường 2;
 - Phía Nam giáp Quận 1;
 - Phía Bắc giáp phường 24 và phường 25.

1.108. Phường 17, quận Bình Thạnh

- 1.108.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.108.2. Diện tích tự nhiên: 0,64 km².
- 1.108.3. Quy mô dân số: 39.243 người.
- 1.108.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 808 người; chiếm tỷ lệ 2,06%.
- 1.108.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.108.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
- Phía Đông giáp phường 21;
 - Phía Tây giáp phường 15;
 - Phía Nam giáp phường 19 và Quận 1;
 - Phía Bắc giáp phường 15 và phường 25.

1.109. Phường 19, quận Bình Thạnh

- 1.109.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.109.2. Diện tích tự nhiên: 0,39 km².
- 1.109.3. Quy mô dân số: 40.610 người.
- 1.109.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 483 người; chiếm tỷ lệ 1,19%.
- 1.109.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.109.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 22;
 - Phía Tây giáp phường 17;
 - Phía Nam giáp Quận 1;
 - Phía Bắc giáp phường 21.

1.110. Phường 21, quận Bình Thạnh

- 1.110.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.110.2. Diện tích tự nhiên: 0,40 km².
- 1.110.3. Quy mô dân số: 25.875 người.
- 1.110.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 525 người; chiếm tỷ lệ 2,03%.
- 1.110.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.110.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 22;
 - Phía Tây giáp phường 17;
 - Phía Nam giáp phường 19;
 - Phía Bắc giáp phường 25.

1.111. Phường 24, quận Bình Thạnh

- 1.111.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.111.2. Diện tích tự nhiên: 0,57 km².
- 1.111.3. Quy mô dân số: 35.366 người.
- 1.111.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 459 người; chiếm tỷ lệ 1,30%.
- 1.111.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.111.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 25;
 - Phía Tây giáp phường 12 và phường 14;
 - Phía Nam giáp phường 2 và phường 15;
 - Phía Bắc giáp phường 12 và phường 26.

1.112. Phường 27, quận Bình Thạnh

- 1.112.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.112.2. Diện tích tự nhiên: 0,85 km².
- 1.112.3. Quy mô dân số: 25.317 người.
- 1.112.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 131 người; chiếm tỷ lệ 0,52%.
- 1.112.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.112.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 28;
 - Phía Tây giáp phường 26;
 - Phía Nam giáp phường 5 và thành phố Thủ Đức;
 - Phía Bắc giáp thành phố Thủ Đức.

1.113. Phường 1, quận Gò Vấp

- 1.113.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.113.2. Diện tích tự nhiên: 0,59 km².
- 1.113.3. Quy mô dân số: 25.401 người.
- 1.113.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 328 người; chiếm tỷ lệ 1,29%.
- 1.113.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.113.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp quận Bình Thạnh;
 - Phía Tây giáp phường 3 và phường 4;
 - Phía Nam giáp quận Phú Nhuận và quận Bình Thạnh;
 - Phía Bắc giáp giáp phường 5.

1.114. Phường 4, quận Gò Vấp

- 1.114.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.114.2. Diện tích tự nhiên: 0,37 km².
- 1.114.3. Quy mô dân số: 17.574 người.
- 1.114.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 613 người; chiếm tỷ lệ 3,49%.
- 1.114.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.114.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 5;
 - Phía Tây giáp phường 3;
 - Phía Nam giáp phường 1 và phường 3;
 - Phía Bắc giáp giáp phường 7.

1.115. Phường 8, quận Gò Vấp

1.115.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.115.2. Diện tích tự nhiên: 1,17 km².

1.115.3. Quy mô dân số: 32.464 người.

1.115.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 511 người; chiếm tỷ lệ 1,57%.

1.115.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.115.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 11;
- Phía Tây giáp phường 12 và phường 14;
- Phía Nam giáp phường 2 - quận Tân Bình;
- Phía Bắc giáp giáp phường 9.

1.116. Phường 9, quận Gò Vấp

1.116.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.116.2. Diện tích tự nhiên: 0,84 km².

1.116.3. Quy mô dân số: 31.799 người.

1.116.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 727 người; chiếm tỷ lệ 2,86%.

1.116.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.116.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 11 và phường 16;
- Phía Tây giáp phường 14;
- Phía Nam giáp phường 8;
- Phía Bắc giáp giáp phường 13 và phường 14.

1.117. Phường 13, quận Gò Vấp

1.117.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

1.117.2. Diện tích tự nhiên: 0,86 km².

1.117.3. Quy mô dân số: 23.637 người.

1.117.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 11 người; chiếm tỷ lệ 0,05%.

1.117.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

1.117.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 15;
- Phía Tây giáp phường 14;
- Phía Nam giáp phường 16;
- Phía Bắc giáp Quận 12.

1.118. Phường 15, quận Gò Vấp

- 1.118.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.118.2. Diện tích tự nhiên: 1,43 km².
- 1.118.3. Quy mô dân số: 40.232 người.
- 1.118.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 86 người; chiếm tỷ lệ 0,21%.
- 1.118.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.118.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường An Phú Đông - Quận 12;
 - Phía Tây giáp phường 13;
 - Phía Nam giáp phường 16;
 - Phía Bắc giáp phường Thạnh Xuân và phường Thạnh Lộc - Quận 12.

1.119. Phường 1, quận Phú Nhuận

- 1.119.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.119.2. Diện tích tự nhiên: 0,20 km².
- 1.119.3. Quy mô dân số: 33.819 người.
- 1.119.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 214 người; chiếm tỷ lệ 0,63%.
- 1.119.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.119.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 2;
 - Phía Tây giáp phường 3, phường 9 và phường 15;
 - Phía Nam giáp phường 15 và phường 17;
 - Phía Bắc giáp phường 2 và phường 3.

1.120. Phường 3, quận Phú Nhuận

- 1.120.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.120.2. Diện tích tự nhiên: 0,18 km².
- 1.120.3. Quy mô dân số: 23.776 người.
- 1.120.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 193 người; chiếm tỷ lệ 0,81%.
- 1.120.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.120.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 2;
 - Phía Tây giáp phường 9;
 - Phía Nam giáp phường 1 và phường 9;
 - Phía Bắc giáp phường 4 và phường 5.

1.121. Phường 4, quận Phú Nhuận

- 1.121.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.121.2. Diện tích tự nhiên: 0,28 km².
- 1.121.3. Quy mô dân số: 42.948 người.
- 1.121.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 112 người; chiếm tỷ lệ 0,26%.
- 1.121.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.121.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 5;
 - Phía Tây giáp phường 9;
 - Phía Nam giáp phường 3;
 - Phía Bắc giáp quận Gò Vấp.

1.122. Phường 5, quận Phú Nhuận

- 1.122.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.122.2. Diện tích tự nhiên: 0,30 km².
- 1.122.3. Quy mô dân số: 23.519 người.
- 1.122.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 265 người; chiếm tỷ lệ 1,13%.
- 1.122.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.122.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp quận Bình Thạnh;
 - Phía Tây giáp phường 4;
 - Phía Nam giáp các phường: 2, 3, 4 và 7;
 - Phía Bắc giáp quận Gò Vấp và quận Bình Thạnh.

1.123. Phường 15, quận Phú Nhuận

- 1.123.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.123.2. Diện tích tự nhiên: 0,23 km².
- 1.123.3. Quy mô dân số: 26.488 người.
- 1.123.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 815 người; chiếm tỷ lệ 3,08%.
- 1.123.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.123.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 1;
 - Phía Tây giáp phường 8;
 - Phía Nam giáp phường 12 và phường 17;
 - Phía Bắc giáp phường 1, phường 3 và phường 9.

1.124. Phường 17, quận Phú Nhuận

- 1.124.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.124.2. Diện tích tự nhiên: 0,15 km².
- 1.124.3. Quy mô dân số: 20.990 người.
- 1.124.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 815 người; chiếm tỷ lệ 3,08%.
- 1.124.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.124.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 2;
 - Phía Tây giáp phường 15;
 - Phía Nam giáp phường 12 và Quận 3;
 - Phía Bắc giáp phường 1, phường 2 và phường 15.

1.125. Phường Tân Thành, quận Tân Phú

- 1.125.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.125.2. Diện tích tự nhiên: 0,99 km².
- 1.125.3. Quy mô dân số: 43.065 người.
- 1.125.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 810 người; chiếm tỷ lệ 1,88%.
- 1.125.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.125.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp quận Tân Bình;
 - Phía Tây giáp phường Tân Quý;
 - Phía Nam giáp phường Phú Thọ Hòa và phường Hòa Thạnh;
 - Phía Bắc giáp phường Tân Sơn Nhì.

1.126. Phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú

- 1.126.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.126.2. Diện tích tự nhiên: 0,94 km².
- 1.126.3. Quy mô dân số: 42.332 người.
- 1.126.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.981 người; chiếm tỷ lệ 7,04%.
- 1.126.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.126.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường Phú Trung;
 - Phía Tây giáp phường Phú Thạnh;
 - Phía Nam giáp phường Hiệp Tân và phường Tân Thới Hòa;
 - Phía Bắc giáp phường Phú Thọ Hòa và phường Tân Thành.

1.127. Phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú

- 1.127.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.127.2. Diện tích tự nhiên: 1,15 km².
- 1.127.3. Quy mô dân số: 29.404 người.
- 1.127.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.305 người; chiếm tỷ lệ 18,04%.
- 1.127.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.127.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường Phú Trung;
 - Phía Tây giáp Quận Bình Tân;
 - Phía Nam giáp Quận 6;
 - Phía Bắc giáp phường Hiệp Tân và phường Hòa Thạnh.

1.128. Phường Bình Thọ, thành phố Thủ Đức

- 1.128.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.128.2. Diện tích tự nhiên: 1,21 km².
- 1.128.3. Quy mô dân số: 19.546 người.
- 1.128.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 0 người; chiếm tỷ lệ 0%.
- 1.128.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 1.128.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường An Lợi Đông;
 - Phía Tây giáp Quận 1;
 - Phía Nam giáp phường An Lợi Đông và Quận 4;
 - Phía Bắc giáp phường An Khánh.

1.129. Thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn

- 1.129.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 1.129.2. Diện tích tự nhiên: 1,74 km².
- 1.129.3. Quy mô dân số: **20.561** người.
- 1.129.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: **1.312** người; chiếm tỷ lệ **6,38%**.
- 1.129.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có
- 1.129.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp xã Thới Tam Thôn;
 - Phía Tây giáp xã Tân Thới Nhì;
 - Phía Nam giáp xã Xuân Thới Sơn, xã Xuân Thới Đông và xã Tân Xuân;
 - Phía Bắc giáp xã Tân Hiệp.

2. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp

2.1. Phường Cầu Kho, Quận 1

2.1.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

2.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,34 km².

2.1.3. Quy mô dân số: 21.858 người.

2.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.294 người, chiếm tỷ lệ 5,92%.

2.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

2.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Cô Giang và Quận 4;
- Phía Nam giáp Quận 4 và Quận 5;
- Phía Tây giáp phường Nguyễn Cư Trinh và Quận 5;
- Phía Bắc giáp phường Nguyễn Cư Trinh và phường Cô Giang.

2.2. Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1

2.2.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

2.2.2. Diện tích tự nhiên: 0,23 km².

2.2.3. Quy mô dân số: **17.378** người.

2.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.629 người, chiếm tỷ lệ 9,37%.

2.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

2.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Nguyễn Thái Bình;
- Phía Nam phường Cô Giang và Quận 4;
- Phía Tây giáp phường Cô Giang;
- Phía Bắc giáp phường Phạm Ngũ Lão và phường Nguyễn Thái Bình.

2.3. Phường Cô Giang, Quận 1

2.3.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

2.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,36 km².

2.3.3. Quy mô dân số: 28.667 người.

2.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.732 người, chiếm tỷ lệ 6,04%.

2.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

2.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Cầu Ông Lãnh và Quận 4;
- Phía Nam giáp phường Cầu Kho và Quận 4;

- Phía Tây giáp phường Cầu Kho và phường Nguyễn Cư Trinh;
- Phía Bắc giáp các phường: Nguyễn Cư Trinh, Phạm Ngũ Lão và Cầu Ông Lãnh.

2.4. Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1

- 2.4.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.4.2. Diện tích tự nhiên: 0,77 km².
- 2.4.3. Quy mô dân số: 41.919 người.
- 2.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.313 người; chiếm tỷ lệ 3,13%.
- 2.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường Cô Giang;
 - Phía Tây giáp Quận 5;
 - Phía Nam giáp phường Cầu Kho và Quận 5;
 - Phía Bắc giáp phường Phạm Ngũ Lão và Quận 3.

2.5. Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

- 2.5.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.5.2. Diện tích tự nhiên: 0,49 km².
- 2.5.3. Quy mô dân số: 41.590 người.
- 2.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.245 người; chiếm tỷ lệ 7,80%.
- 2.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp thành phố Thủ Đức;
 - Phía Tây giáp phường Cầu Ông Lãnh và phường Phạm Ngũ Lão;
 - Phía Nam giáp Quận 4;
 - Phía Bắc giáp phường Bến Thành và phường Bến Nghé.

2.6. Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1

- 2.6.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.6.2. Diện tích tự nhiên: 0,50 km².
- 2.6.3. Quy mô dân số: 34.047 người.
- 2.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.547 người; chiếm tỷ lệ 4,54%.
- 2.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Nguyễn Thái Bình và phường Cầu Ông Lãnh;
- Phía Tây giáp Quận 3;
- Phía Nam phường Cô Giang và phường Nguyễn Cư Trinh;
- Phía Bắc giáp phường Bến Thành.

2.7. Phường 1, Quận 3

- 2.7.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.7.2. Diện tích tự nhiên: 0,15 km².
- 2.7.3. Quy mô dân số: 12.516 người.
- 2.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 247 người; chiếm tỷ lệ 1,97%.
- 2.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 3 và phường 2;
 - Phía Tây giáp Quận 10;
 - Phía Nam phường 2 và Quận 10;
 - Phía Bắc giáp phường 3 và Quận 10.

2.8. Phường 2, Quận 3

- 2.8.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.8.2. Diện tích tự nhiên: 0,15 km².
- 2.8.3. Quy mô dân số: 13.960 người.
- 2.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.031 người; chiếm tỷ lệ 7,39%.
- 2.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp Quận 1;
 - Phía Tây giáp phường 1;
 - Phía Nam giáp Quận 1, Quận 5 và Quận 10;
 - Phía Bắc giáp phường 3, phường 4 và phường 5.

2.9. Phường 3, Quận 3

- 2.9.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.9.2. Diện tích tự nhiên: 0,16 km².
- 2.9.3. Quy mô dân số: 14.208 người.
- 2.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 842 người; chiếm tỷ lệ 5,92%.
- 2.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 4 và phường 5;
- Phía Tây giáp phường 1;
- Phía Nam phường 1 và phường 2;
- Phía Bắc giáp phường 4 và Quận 10.

2.10. Phường 4, Quận 3

- 2.10.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.10.2. Diện tích tự nhiên: 0,31 km².
- 2.10.3. Quy mô dân số: 29.680 người.
- 2.10.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 535 người; chiếm tỷ lệ 1,80%.
- 2.10.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.10.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 5;
 - Phía Tây giáp Quận 10;
 - Phía Nam giáp phường 2, phường 3 và phường 5;
 - Phía Bắc giáp phường Võ Thị Sáu.

2.11. Phường 5, Quận 3

- 2.11.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.11.2. Diện tích tự nhiên: 0,25 km².
- 2.11.3. Quy mô dân số: 24.116 người.
- 2.11.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.726 người; chiếm tỷ lệ 7,16%.
- 2.11.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.11.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp Quận 1;
 - Phía Tây giáp phường 4;
 - Phía Nam phường 2 và Quận 1;
 - Phía Bắc giáp phường 4 và phường Võ Thị Sáu.

2.12. Phường 11, Quận 3

- 2.12.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.12.2. Diện tích tự nhiên: 0,47 km².
- 2.12.3. Quy mô dân số: 27.116 người.
- 2.12.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 275 người; chiếm tỷ lệ 1,01%.
- 2.12.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.12.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 9 và phường 12;
- Phía Tây giáp quận Tân Bình;
- Phía Nam phường 10 và Quận 10;
- Phía Bắc giáp phường 12 và quận Phú Nhuận.

2.13. Phường 14, Quận 3

- 2.13.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.13.2. Diện tích tự nhiên: 0,31 km².
- 2.13.3. Quy mô dân số: 19.057 người.
- 2.13.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 210 người; chiếm tỷ lệ 1,10%.
- 2.13.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.13.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường Võ Thị Sáu;
 - Phía Tây giáp phường 12 và quận Phú Nhuận;
 - Phía Nam phường 9 và phường 13;
 - Phía Bắc giáp quận Phú Nhuận.

2.14. Phường 1, Quận 4

- 2.14.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.14.2. Diện tích tự nhiên: 0,38 km².
- 2.14.3. Quy mô dân số: 27.193 người.
- 2.14.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 125 người; chiếm tỷ lệ 0,45%.
- 2.14.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.14.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 2 và phường 3;
 - Phía Tây giáp Quận 1 và Quận 5;
 - Phía Nam giáp Quận 7 và Quận 8;
 - Phía Bắc giáp phường 2 và Quận 1.

2.15. Phường 3, Quận 4

- 2.15.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.15.2. Diện tích tự nhiên: 0,31 km².
- 2.15.3. Quy mô dân số: 17.121 người.
- 2.15.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 363 người; chiếm tỷ lệ 2,12%.
- 2.15.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.15.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 4;
- Phía Tây giáp phường 1 và phường 2;
- Phía Nam giáp Quận 7;
- Phía Bắc giáp phường 2 và phường 6.

2.16. Phường 4, Quận 4

- 2.16.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.16.2. Diện tích tự nhiên: 0,29 km².
- 2.16.3. Quy mô dân số: 19.328 người.
- 2.16.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 160 người; chiếm tỷ lệ 0,82%.
- 2.16.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.16.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 15;
 - Phía Tây giáp phường 3;
 - Phía Nam giáp Quận 7;
 - Phía Bắc giáp phường 6 và phường 8.

2.17. Phường 16, Quận 4

- 2.17.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.17.2. Diện tích tự nhiên: 0,33 km².
- 2.17.3. Quy mô dân số: 22.587 người.
- 2.17.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 439 người; chiếm tỷ lệ 1,94%.
- 2.17.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.17.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 18;
 - Phía Tây phường 14 và phường 15;
 - Phía Nam giáp Quận 7;
 - Phía Bắc giáp phường 13 và phường 18.

2.18. Phường 18, Quận 4

- 2.18.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.18.2. Diện tích tự nhiên: 0,70 km².
- 2.18.3. Quy mô dân số: 17.208 người.
- 2.18.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 321 người; chiếm tỷ lệ 1,86%.
- 2.18.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.19.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp thành phố Thủ Đức và Quận 7;
- Phía Tây giáp phường 16;
- Phía Nam giáp Quận 7;
- Phía Bắc giáp phường 13 và thành phố Thủ Đức.

2.19. Phường 1, Quận 5

- 2.19.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.19.2. Diện tích tự nhiên: 0,43 km².
- 2.19.3. Quy mô dân số: 30.954 người.
- 2.19.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.525 người; chiếm tỷ lệ 8,16%.
- 2.19.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.19.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp Quận 1 và Quận 4;
 - Phía Tây giáp phường 5 và phường 7;
 - Phía Nam giáp Quận 8;
 - Phía Bắc giáp phường 2.

2.20. Phường 4, Quận 5

- 2.20.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.20.2. Diện tích tự nhiên: 0,38 km².
- 2.20.3. Quy mô dân số: 22.546 người.
- 2.20.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.717 người; chiếm tỷ lệ 7,62%.
- 2.20.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.20.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp Quận 1;
 - Phía Tây giáp phường 9 và Quận 10;
 - Phía Nam giáp phường 3;
 - Phía Bắc giáp Quận 10 và Quận 3.

2.21. Phường 9, Quận 5

- 2.21.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.21.2. Diện tích tự nhiên: 0,38 km².
- 2.21.3. Quy mô dân số: 27.471 người.
- 2.21.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.599 người; chiếm tỷ lệ 9,46%.
- 2.21.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.21.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 4;
- Phía Tây giáp phường 12;
- Phía Nam giáp phường 8;
- Phía Bắc giáp Quận 10.

2.22. Phường 13, Quận 5

- 2.22.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.22.2. Diện tích tự nhiên: 0,27 km².
- 2.22.3. Quy mô dân số: 22.532 người.
- 2.22.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 4.548 người; chiếm tỷ lệ 20,18%.
- 2.22.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.22.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 10;
 - Phía Tây giáp Quận 6;
 - Phía Nam giáp Quận 8;
 - Phía Bắc giáp phường 14.

2.23. Phường 14, Quận 5

- 2.23.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.23.2. Diện tích tự nhiên: 0,28 km².
- 2.23.3. Quy mô dân số: 20.556 người.
- 2.23.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.665 người; chiếm tỷ lệ 27,56%.
- 2.23.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.23.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 11;
 - Phía Tây giáp Quận 6;
 - Phía Nam giáp phường 10 và phường 13;
 - Phía Bắc giáp phường 12.

2.24. Phường 7, Quận 6

- 2.24.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.24.2. Diện tích tự nhiên: 0,47 km².
- 2.24.3. Quy mô dân số: 13.660 người.
- 2.24.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.325 người; chiếm tỷ lệ 24,34%.
- 2.24.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.24.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 3;
- Phía Tây giáp phường 10;
- Phía Nam giáp Quận 8;
- Phía Bắc giáp phường 8.

2.25. Phường 8, Quận 6

- 2.25.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.25.2. Diện tích tự nhiên: 0,41 km².
- 2.25.3. Quy mô dân số: 24.017 người.
- 2.25.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 6.699 người; chiếm tỷ lệ 27,89%.
- 2.25.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.25.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 4;
 - Phía Tây giáp phường 11;
 - Phía Nam giáp phường 7;
 - Phía Bắc giáp phường 5.

2.26. Phường 12, Quận 6

- 2.26.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.26.2. Diện tích tự nhiên: 0,73 km².
- 2.26.3. Quy mô dân số: 32.127 người.
- 2.26.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.801 người; chiếm tỷ lệ 5,61%.
- 2.26.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.26.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 9;
 - Phía Tây giáp phường 13;
 - Phía Nam giáp phường 11;
 - Phía Bắc giáp phường 14.

2.27. Phường Tân Kiểng, Quận 7

- 2.27.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.27.2. Diện tích tự nhiên: 1,00 km².
- 2.27.3. Quy mô dân số: 33.491 người.
- 2.28.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 119 người; chiếm tỷ lệ 0,36%.
- 2.27.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.27.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Tân Thuận Tây;
- Phía Tây giáp phường Tân Hưng;
- Phía Nam giáp phường Tân Quy;
- Phía Bắc giáp Quận 4.

2.28. Phường Tân Quy, Quận 7

- 2.28.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.28.2. Diện tích tự nhiên: 0,86 km².
- 2.28.3. Quy mô dân số: 32.004 người.
- 2.28.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 161 người; chiếm tỷ lệ 0,50%.
- 2.28.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.28.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường Bình Thuận;
 - Phía Tây giáp phường Tân Hưng;
 - Phía Nam giáp phường Tân Phong và phường Tân Phú;
 - Phía Bắc giáp phường Tân Kiểng.

2.29. Phường Tân Thuận Tây, Quận 7

- 2.29.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.29.2. Diện tích tự nhiên: 1,05 km².
- 2.29.3. Quy mô dân số: 31.016 người.
- 2.29.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 139 người; chiếm tỷ lệ 0,45%.
- 2.29.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.29.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường Tân Thuận Đông;
 - Phía Tây giáp phường Tân Kiểng;
 - Phía Nam giáp phường Bình Thuận;
 - Phía Bắc giáp phường Tân Thuận Đông và Quận 4.

2.30. Phường Bình Thuận, Quận 7

- 2.30.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.30.2. Diện tích tự nhiên: 1,62 km².
- 2.30.3. Quy mô dân số: 33.755 người.
- 2.30.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 399 người; chiếm tỷ lệ 1,18 %.
- 2.30.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.30.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Tân Thuận Đông;
- Phía Tây giáp phường Tân Kiểng;
- Phía Nam giáp phường Bình Thuận;
- Phía Bắc giáp phường Tân Thuận Tây.

2.31. Phường 6, Quận 8

2.31.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

2.31.2. Diện tích tự nhiên: 1,47 km².

2.31.3. Quy mô dân số: 41.264 người.

2.31.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1311 người; chiếm tỷ lệ 3,18%.

2.31.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

2.31.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 5;
- Phía Tây giáp phường 15;
- Phía Nam giáp xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh;
- Phía Bắc giáp Phường 14.

2.32. Phường 14, Quận 8

2.32.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

2.32.2. Diện tích tự nhiên: 0,55 km².

2.32.3. Quy mô dân số: 20.075 người.

2.32.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.327 người; chiếm tỷ lệ 11,59%.

2.32.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

2.32.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 6 và phường 12;
- Phía Tây giáp Quận 6;
- Phía Nam giáp phường 6 và phường 15;
- Phía Bắc giáp phường 13 và Quận 6.

2.33. Phường 15, Quận 8

2.33.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

2.33.2. Diện tích tự nhiên: 1,53 km².

2.33.3. Quy mô dân số: 43.334 người.

2.33.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 4087 người; chiếm tỷ lệ 9,43%.

2.33.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

2.33.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Bắc giáp Phường 7 Quận 6;

- Phía Bắc Đông Bắc giáp Phường 14 Quận 8;
- Phía Đông Bắc giáp Phường 6 Quận 8;
- Phía Nam giáp Phường 7 Quận 8;
- Phía Tây giáp Phường 16 Quận 8.

2.34. Phường 1, Quận 10

- 2.34.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.34.2. Diện tích tự nhiên: 0,21 km².
- 2.34.3. Quy mô dân số: 12.345 người.
- 2.34.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.280 người; chiếm tỷ lệ 18,47%.
- 2.34.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.34.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp Quận 3;
 - Phía Tây giáp phường 2;
 - Phía Nam giáp Quận 5;
 - Phía Bắc giáp Quận 3.

2.35. Phường 4, Quận 10

- 2.35.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.35.2. Diện tích tự nhiên: 0,17 km².
- 2.35.3. Quy mô dân số: 11.315 người.
- 2.35.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.773 người; chiếm tỷ lệ 24,51%.
- 2.35.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.35.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 2;
 - Phía Tây giáp phường 5 và phường 8;
 - Phía Nam giáp phường 2, phường 5 và Quận 5;
 - Phía Bắc giáp phường 9.

2.36. Phường 9, Quận 10

- 2.36.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.36.2. Diện tích tự nhiên: 0,20 km².
- 2.36.3. Quy mô dân số: 14.694 người.
- 2.36.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.292 người; chiếm tỷ lệ 8,79%.
- 2.36.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.36.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 2;
- Phía Tây giáp phường 8;
- Phía Nam giáp phường 2 và phường 4;
- Phía Bắc giáp phường 10 và phường 12.

2.37. Phường 13, Quận 10

- 2.37.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.37.2. Diện tích tự nhiên: 0,47 km².
- 2.37.3. Quy mô dân số: 26.472 người.
- 2.37.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 535 người; chiếm tỷ lệ 2,02%.
- 2.37.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.37.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 12 và Quận 3;
 - Phía Tây giáp phường 15;
 - Phía Nam giáp phường 12;
 - Phía Bắc giáp phường 15 và Quận 3.

2.38. Phường 3, Quận 11

- 2.38.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.38.2. Diện tích tự nhiên: 0,79 km².
- 2.38.3. Quy mô dân số: 34.822 người.
- 2.38.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 7.974 người; chiếm tỷ lệ 23,89%..
- 2.38.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.38.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 10;
 - Phía Tây giáp quận Tân Phú;
 - Phía Nam giáp phường 1 và Quận 6;
 - Phía Bắc giáp phường 5 và quận Tân Phú.

2.39. Phường 5, Quận 11

- 2.39.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.39.2. Diện tích tự nhiên: 0,67 km².
- 2.39.3. Quy mô dân số: 41.782 người.
- 2.39.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 7.304 người; chiếm tỷ lệ 17,48%.
- 2.39.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.39.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 14;
- Phía Tây giáp quận Tân Phú;
- Phía Nam giáp phường 3 và phường 10;
- Phía Bắc giáp quận Tân Phú và quận Tân Bình.

2.40. Phường 14, Quận 11

- 2.40.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.40.2. Diện tích tự nhiên: 0,31 km².
- 2.40.3. Quy mô dân số: 17.622 người.
- 2.40.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 6.411 người; chiếm tỷ lệ 36,38%.
- 2.40.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.40.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 11 và quận Tân Bình;
 - Phía Tây giáp phường 5;
 - Phía Nam giáp phường 9 và phường 10;
 - Phía Bắc giáp quận Tân Bình.

2.41. Phường 15, Quận 11

- 2.41.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.41.2. Diện tích tự nhiên: 0,81 km².
- 2.41.3. Quy mô dân số: 30.423 người.
- 2.41.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 782 người; chiếm tỷ lệ 2,57%.
- 2.41.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.41.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp Quận 10;
 - Phía Tây giáp quận Tân Bình;
 - Phía Nam giáp phường 7, phường 11 và phường 13;
 - Phía Bắc giáp Quận 10 và quận Tân Bình.

2.42. Phường 16, Quận 11

- 2.42.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.42.2. Diện tích tự nhiên: 0,30 km².
- 2.42.3. Quy mô dân số: 16.141 người.
- 2.42.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 9.445 người; chiếm tỷ lệ 57,51%.
- 2.42.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.42.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 4 và Quận 5;
- Phía Tây giáp phường 2;
- Phía Nam giáp Quận 6;
- Phía Bắc giáp phường 6 và phường 8.

2.43. Phường An Lạc A, quận Bình Tân

- 2.43.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.43.2. Diện tích tự nhiên: 1,16 km².
- 2.43.3. Quy mô dân số: 30.997 người.
- 2.43.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 0 người; chiếm tỷ lệ 0%.
- 2.43.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.43.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 13, quận 6;
 - Phía Tây giáp phường Bình Trị Đông B;
 - Phía Nam giáp phường An Lạc;
 - Phía Bắc giáp phường Bình Trị Đông.

2.44. Phường 17, quận Bình Thạnh

- 2.44.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.44.2. Diện tích tự nhiên: 0,64 km².
- 2.44.3. Quy mô dân số: 39.243 người.
- 2.44.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 808 người; chiếm tỷ lệ 2,06%.
- 2.44.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.44.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 21;
 - Phía Tây giáp phường 15;
 - Phía Nam giáp phường 19 và Quận 1;
 - Phía Bắc giáp phường 15 và phường 25.

2.45. Phường 27, quận Bình Thạnh

- 2.45.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.45.2. Diện tích tự nhiên: 0,85 km².
- 2.45.3. Quy mô dân số: 25.317 người.
- 2.45.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 131 người; chiếm tỷ lệ 0,52%.
- 2.45.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.45.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 28;
- Phía Tây giáp phường 26;
- Phía Nam giáp phường 5 và thành phố Thủ Đức;
- Phía Bắc giáp thành phố Thủ Đức.

2.46. Phường 1, quận Phú Nhuận

- 2.46.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.46.2. Diện tích tự nhiên: 0,20 km².
- 2.46.3. Quy mô dân số: 33.819 người.
- 2.46.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 214 người; chiếm tỷ lệ 0,63%.
- 2.46.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.46.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 2;
 - Phía Tây giáp phường 3, phường 9 và phường 15;
 - Phía Nam giáp phường 15 và phường 17;
 - Phía Bắc giáp phường 2 và phường 3.

2.47. Phường 5, quận Phú Nhuận

- 2.47.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.47.2. Diện tích tự nhiên: 0,30 km².
- 2.47.3. Quy mô dân số: 23.519 người.
- 2.47.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 265 người; chiếm tỷ lệ 1,13%.
- 2.47.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.47.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp quận Bình Thạnh;
 - Phía Tây giáp phường 4;
 - Phía Nam giáp các phường: 2, 3, 4 và 7;
 - Phía Bắc giáp quận Gò Vấp và quận Bình Thạnh.

2.48. Phường Tân Thành, quận Tân Phú

- 2.48.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.48.2. Diện tích tự nhiên: 0,99 km².
- 2.48.3. Quy mô dân số: 43.065 người.
- 2.48.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 810 người; chiếm tỷ lệ 1,88%.
- 2.48.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.48.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp quận Tân Bình;
- Phía Tây giáp phường Tân Quý;
- Phía Nam giáp phường Phú Thọ Hòa và phường Hòa Thạnh;
- Phía Bắc giáp phường Tân Sơn Nhì.

2.49. Phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú

- 2.49.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.49.2. Diện tích tự nhiên: 0,94 km².
- 2.49.3. Quy mô dân số: 42.332 người.
- 2.49.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.981 người; chiếm tỷ lệ 7,04%.
- 2.49.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.49.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường Phú Trung;
 - Phía Tây giáp phường Phú Thạnh;
 - Phía Nam giáp phường Hiệp Tân và phường Tân Thới Hòa;
 - Phía Bắc giáp phường Phú Thọ Hòa và phường Tân Thành.

2.50. Phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú

- 2.50.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.50.2. Diện tích tự nhiên: 1,15 km².
- 2.50.3. Quy mô dân số: 29.404 người.
- 2.50.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.305 người; chiếm tỷ lệ 18,04%.
- 2.50.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.50.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường Phú Trung;
 - Phía Tây giáp Quận Bình Tân;
 - Phía Nam giáp Quận 6;
 - Phía Bắc giáp phường Hiệp Tân và phường Hòa Thạnh.

2.51. Phường Bình Thới, thành phố Thủ Đức

- 2.51.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 2.51.2. Diện tích tự nhiên: 1,21 km².
- 2.51.3. Quy mô dân số: 19.546 người.
- 2.51.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 0 người; chiếm tỷ lệ 0%.
- 2.51.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 2.51.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường An Lợi Đông;
- Phía Tây giáp Quận 1;
- Phía Nam giáp phường An Lợi Đông và Quận 4;
- Phía Bắc giáp phường An Khánh.

2.52. Thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn

2.52.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

2.52.2. Diện tích tự nhiên: 1,74 km².

2.52.3. Quy mô dân số: **20.561** người.

2.52.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: **1.312** người; chiếm tỷ lệ **6,38%**.

2.52.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có

2.52.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp xã Thới Tam Thôn;
- Phía Tây giáp xã Tân Thới Nhì;
- Phía Nam giáp xã Xuân Thới Sơn, xã Xuân Thới Đông và xã Tân Xuân;
- Phía Bắc giáp xã Tân Hiệp.

3. Hiện trạng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp

3.1. Phường 10, Quận 6

3.1.1. Thuộc khu vực đồng bằng

3.1.2. Diện tích tự nhiên: 1,55 km².

3.1.3. Quy mô dân số: 26.203 người.

3.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3534 người; chiếm tỷ lệ 13,48%.

3.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

3.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông tiếp giáp với phường 9;
- Phía Tây giáp với quận Bình Tân;
- Phía Nam tiếp giáp với phường 5;
- Phía Bắc giáp với phường 1 và phường 2, Quận 11.

3.2. Phường Bình Thuận, Quận 7

3.2.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

3.2.2. Diện tích tự nhiên: 1,62 km².

3.2.3. Quy mô dân số: 33.755 người.

3.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 399 người; chiếm tỷ lệ 1,18 %.

3.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

3.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kê:

- Phía Đông giáp phường Tân Thuận Đông;
- Phía Tây giáp phường Tân Kiểng;
- Phía Nam giáp phường Bình Thuận;
- Phía Bắc giáp phường Tân Thuận Tây

3.3. Phường 6, Quận 8

3.3.1. Thuộc khu vực đồng bằng

3.3.2. Diện tích tự nhiên: 1,47 km²

3.3.3. Quy mô dân số: 41.264 người

3.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1311 người; chiếm tỷ lệ 3,18%.

3.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

3.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liên kê:

Phía Đông giáp phường 5;

Phía Tây giáp phường 15;

Phía Nam giáp xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh;

Phía Bắc giáp Phường 14.

3.4. Phường 15, Quận 8

3.4.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

3.4.2. Diện tích tự nhiên: 1,53 km².

3.4.3. Quy mô dân số: 43.334 người.

3.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 4087 người; chiếm tỷ lệ 9,43%.

3.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

3.4.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liên kê:

- Phía Bắc giáp phường 7, Quận 6.
- Phía Bắc Đông Bắc giáp phường 14, Quận 8.
- Phía Đông Bắc giáp phường 6, Quận 8.
- Phía Nam giáp phường 7, Quận 8.
- Phía Tây giáp phường 16, Quận 8.

3.5. Phường An Lạc A, quận Bình Tân

3.5.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

3.5.2. Diện tích tự nhiên: 1,16 km².

3.5.3. Quy mô dân số: 30.997 người.

3.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 0 người; chiếm tỷ lệ 0%.

3.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

3.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 13, Quận 6;
- Phía Tây giáp phường Bình Trị Đông B;
- Phía Nam giáp phường An Lạc;
- Phía Bắc giáp phường Bình Trị Đông.

3.6. Phường 7, quận Gò Vấp

3.6.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: không có

3.6.2. Diện tích tự nhiên 0,9725 km²

3.6.3. Quy mô dân số 49.020 người

3.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 8 người; chiếm tỷ lệ 0,016%.

3.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có

3.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 5;
- Phía Tây giáp phường 3 và phường 10;
- Phía Nam giáp phường 4 và phường 5;
- Phía Bắc giáp phường 6 và phường 17.

3.7. Phường 8, quận Gò Vấp

3.7.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

3.7.2. Diện tích tự nhiên: 1,17 km².

3.7.3. Quy mô dân số: 32.464 người.

3.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 511 người; chiếm tỷ lệ 1,57%.

3.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

3.7.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 11;
- Phía Tây giáp phường 12 và phường 14;
- Phía Nam giáp phường 2, quận Tân Bình;
- Phía Bắc giáp giáp phường 9.

3.8. Phường 14, quận Gò Vấp

3.8.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: không có

3.8.2. Diện tích tự nhiên 2,1 km².

3.8.3. Quy mô dân số 60.222 người.

3.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 255 người; chiếm tỷ lệ 0,42%.

3.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có

3.8.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 13;
- Phía Tây giáp Quận 7;
- Phía Nam giáp phường 8, 9 và 12;
- Phía Bắc giáp Quận 12.

3.9. Phường 15, quận Gò Vấp

3.9.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

3.9.2. Diện tích tự nhiên: 1,43 km².

3.9.3. Quy mô dân số: 40.232 người.

3.9.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 86 người; chiếm tỷ lệ 0,21%.

3.9.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

3.9.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường An Phú Đông, Quận 12;
- Phía Tây giáp phường 13;
- Phía Nam giáp phường 16;
- Phía Bắc giáp phường Thạnh Xuân và phường Thạnh Lộc, Quận 12.

3.10. Phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú

3.10.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

3.10.2. Diện tích tự nhiên: 1,15 km².

3.10.3. Quy mô dân số: 29.404 người.

3.10.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.305 người; chiếm tỷ lệ 18,04%.

3.10.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

3.10.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Phú Trung;
- Phía Tây giáp Quận Bình Tân;
- Phía Nam giáp Quận 6;
- Phía Bắc giáp phường Hiệp Tân và phường Hòa Thạnh.

3.11. Phường Bình Thọ, thành phố Thủ Đức

3.11.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

3.11.2. Diện tích tự nhiên: 1,21 km².

3.11.3. Quy mô dân số: 19.546 người.

3.11.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 0 người; chiếm tỷ lệ 0%.

3.11.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

3.11.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường An Lợi Đông;
- Phía Tây giáp Quận 1;
- Phía Nam giáp phường An Lợi Đông và Quận 4;
- Phía Bắc giáp phường An Khánh.

4. Hiện trạng ĐVHC cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp

4.1. Phường 5, Quận 6

4.1.1. Thuộc khu vực đồng bằng.

4.1.2. Diện tích tự nhiên: 0,23 km².

4.1.3. Quy mô dân số: 14.554 người.

4.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.675 người; chiếm tỷ lệ 38,99%.

4.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

4.1.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường 2;
- Phía Tây giáp phường 11;
- Phía Nam giáp phường 4 và phường 8;
- Phía Bắc giáp phường 6 và phường 9.

4.2. Phường 10, Quận 6

4.2.1. Thuộc khu vực đồng bằng

4.2.2. Diện tích tự nhiên: 1,55 (km²).

4.2.3. Quy mô dân số: 26.203 (người).

4.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3534 người; chiếm tỷ lệ 13,48%.

4.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.

4.2.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:

- Phía Đông tiếp giáp với Phường 9;
- Phía Tây giáp với quận Bình Tân;

- Phía Nam tiếp giáp với Phường 5;
- Phía Bắc giáp với Phường 1 và phường 2, Quận 11.

4.3. Phường 13, Quận 6

- 4.3.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 4.3.2. Diện tích tự nhiên: 0,84 km².
- 4.3.3. Quy mô dân số: 22.711 người.
- 4.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.023 người; chiếm tỷ lệ 4,5%.
- 4.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 4.3.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 7;
 - Phía Tây giáp quận Bình Tân;
 - Phía Nam giáp Quận 8;
 - Phía Bắc giáp phường 11.

4.4. Phường 6, quận Bình Thạnh

- 4.4.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 4.4.2. Diện tích tự nhiên: 0,30 km².
- 4.4.3. Quy mô dân số: 17.416 người.
- 4.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 209 người; chiếm tỷ lệ 1,20%.
- 4.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 4.4.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 7;
 - Phía Tây giáp quận Phú Nhuận;
 - Phía Nam giáp phường 3 và quận Phú Nhuận;
 - Phía Bắc giáp phường 5.

4.5. Phường 13, quận Bình Thạnh

- 4.5.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 4.5.2. Diện tích tự nhiên: 2,60 km².
- 4.5.3. Quy mô dân số: 50.443 người.
- 4.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 837 người; chiếm tỷ lệ 1,66%.
- 4.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 4.5.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp thành phố Thủ Đức;
 - Phía Tây giáp quận Gò Vấp;

- Phía Nam giáp phường 11, phường 12 và phường 26;
- Phía Bắc giáp Quận 12 và thành phố Thủ Đức.

4.6. Phường 13, quận Gò Vấp

- 4.6.1. Thuộc khu vực đồng bằng.
- 4.6.2. Diện tích tự nhiên: 0,86 km².
- 4.6.3. Quy mô dân số: 23.637 người.
- 4.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 11 người; chiếm tỷ lệ 0,05%.
- 4.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: không có.
- 4.6.6. Các ĐVHC cùng cấp liền kề:
 - Phía Đông giáp phường 15;
 - Phía Tây giáp phường 14;
 - Phía Nam giáp phường 16;
 - Phía Bắc giáp Quận 12.

(Chi tiết nêu tại các Phụ lục 1-1A, 1-1B, 1-1C, 1-2A, 1-2B, 1-2C kèm theo)

Phần II

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN THUỘC DIỆN SẮP XẾP

1. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp: Không.

2. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp: Không.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp

1.1. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp thuộc Quận 3

1.1.1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 9** (có diện tích tự nhiên là 0,44 km², đạt 8,08% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 31.419 người, đạt 209,46% so với tiêu chuẩn) và **phường 10** (có diện tích tự nhiên là 0,16 km², đạt 2,85% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 10.204 người, đạt 68,03% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 9** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường 9 và phường 10.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường 9 và phường 10 là 02 ĐVHC hành chính cấp xã liền kề thuộc Quận 3, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng. Trong đó, cả phường 9 và phường 10 đều có tiêu chuẩn

về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập phường 9 và phường 10 nhằm thực hiện chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; hạ tầng giao thông kết nối đồng bộ giữa hai phường tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, sản xuất, học tập, giao dịch hành chính, quản lý của chính quyền sau khi sắp xếp.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 9 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,60 km² (đạt 10,91% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 41.623 người (đạt 277,48% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 404 người; chiếm tỷ lệ 0,97%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường Võ Thị Sáu; Tây giáp phường 11 và Quận 10; Nam giáp Quận 10; Bắc giáp phường 12.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 9 hiện hữu.

1.1.2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của **phường 12** (có diện tích tự nhiên là 0,17 km², đạt 3,06% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 12.208 người, đạt 81,39% so với tiêu chuẩn) và **phường 13** (có diện tích tự nhiên là 0,16 km², đạt 2,97% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là **9.775** người, đạt 65,17% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 12** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường 12 và phường 13.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường 12 và phường 13 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán. Trong đó, cả phường 12 và phường 13 đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Việc sắp xếp, sáp nhập phường 12 và phường 13 nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 12 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,33 km² (đạt 6,00% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: **21.983** người (đạt **146,55%** so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 253 người; chiếm tỷ lệ 1,15%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 14; Tây giáp phường 11 và quận Phú Nhuận; Nam giáp phường 9; Bắc giáp phường 14.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 12 hiện hữu.

1.2. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp thuộc Quận 4

1.2.1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 6** (có diện tích tự nhiên là 0,20 km², đạt 3,73% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 31.169 người, đạt 207,79% so với tiêu chuẩn) và **phường 9** (có diện tích tự nhiên là 0,12 km², đạt 2,13% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 14.187 người, đạt 94,58% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 9** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường 6 và phường 9.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 6 và phường 9 là 02 phường có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng, trong đó, cả phường 6 và phường 9 đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập phường 6 và phường 9 nhằm thực hiện chủ trương của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; là cần thiết để mở rộng phạm vi quản lý của chính quyền đô thị hiện hữu, đáp ứng yêu cầu quản lý đối với khu vực đang trong quá trình đô thị hóa cao, tạo điều kiện để mở rộng không gian phát triển đô thị; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 9 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,32 km² (đạt 5,82% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 45.356 người (đạt 302,37% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.337 người; chiếm tỷ lệ 2,95%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 10; Tây giáp phường 5; Nam giáp phường 3 và phường 4; Bắc giáp Quận 1.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 6 hiện hữu.

1.2.2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của **phường 8** (có diện tích tự nhiên là 0,16 km², đạt 2,90% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 18.826 người, đạt 125,51% so với tiêu chuẩn) và **phường 10** (có diện tích tự nhiên là 0,11 km², đạt 1,99% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 10.428 người, đạt

69,52% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 8** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường 8 và phường 10.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường 8 và phường 10 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề thuộc Quận 4, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, trong đó, cả phường 8 và phường 10 đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Việc nhập phường 8 và phường 10 là cần thiết để mở rộng phạm vi quản lý của chính quyền đô thị hiện hữu, đáp ứng yêu cầu quản lý đối với khu vực đang trong quá trình đô thị hóa cao; tạo điều kiện để mở rộng không gian phát triển đô thị; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính; tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, hiệu quả, hiệu lực hoạt động hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân trên địa bàn, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sáp nhập thì phường 8 mới có:

- Diện tích tự nhiên: 0,27 km² (đạt 4,91% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 29.254 người (đạt 195,03% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 450 người; chiếm tỷ lệ 1,53%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 13; Tây giáp phường 9; Nam giáp phường 4 và phường 15; Bắc giáp phường 9 và phường 12.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 10 hiện hữu.

1.2.3. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của **phường 14** (có diện tích tự nhiên là 0,17 km², đạt 3,08% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 18.339 người, đạt 122,26% so với tiêu chuẩn) và **phường 15** (có diện tích tự nhiên là 0,22 km², đạt 3,92% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 15.374 người, đạt 102,49% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 15** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường 14 và phường 15.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Phường 14 và phường 15 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề thuộc Quận 4, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, trong đó, cả phường 14 và phường 15 đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc nhập phường 14 và phường 15 nhằm thực hiện chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2023 - 2025, là cần thiết để mở rộng phạm vi quản lý của chính quyền đô thị hiện hữu, đáp ứng yêu cầu quản lý đối với khu vực đang trong quá trình đô thị hóa cao; tạo điều kiện để mở rộng không gian phát triển đô thị; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính; tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, hiệu quả, hiệu lực hoạt động hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân trên địa bàn, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sáp nhập thì phường 15 mới có:

- Diện tích tự nhiên: 0,39 km² (đạt 7,09% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 33.713 người (đạt 224,75% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 903 người; chiếm tỷ lệ 2,67%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 16; Tây giáp phường 4 và phường 8; Nam giáp Quận 7; Bắc giáp phường 13.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 14 hiện hữu.

1.3. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp thuộc Quận 5

1.3.1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 2** (có diện tích tự nhiên là 0,29 km², đạt 5,32% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 16.289 người, đạt 108,59% so với tiêu chuẩn) và **phường 3** (có diện tích tự nhiên là 0,18 km², đạt 3,20% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 14.871 người, đạt 99,14% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 2** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường 2 và phường 3.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 2 và phường 3 là 02 phường có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng, trong đó, cả phường 2 và phường 3 đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập phường 2 và phường 3 nhằm thực hiện chủ trương của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; là cần thiết để mở rộng phạm vi quản lý của chính quyền đô thị hiện hữu, đáp ứng yêu cầu quản lý đối với khu vực đang trong quá trình đô thị hóa cao, tạo điều kiện để mở rộng không gian phát triển đô thị; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 2 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,47 km² (đạt 8,54% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 31.160 người (đạt 207,73% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.586 người; chiếm tỷ lệ 17,93%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp Quận 1; Tây giáp phường 7; Nam giáp phường 1; Bắc giáp phường 4.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 3 hiện hữu.

1.3.2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 5** (có diện tích tự nhiên là 0,23 km², đạt 4,12% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 16.424 người, đạt 108,59% so với tiêu chuẩn) và **phường 6** (có diện tích tự nhiên là 0,23 km², đạt 4,12% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.722 người, đạt 64,81% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 5** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường 5 và phường 6.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 5 và phường 6 là 02 phường có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng, trong đó, cả phường 5 và phường 6 đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập phường 5 và phường 6 nhằm thực hiện chủ trương của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 5 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,46 km² (đạt 8,36% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 26.146 người (đạt 174,31% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 10.068 người; chiếm tỷ lệ 38,51%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 1; Tây giáp phường 11; Nam giáp Quận 8; Bắc giáp phường 7.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 5 hiện hữu.

1.3.3. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 7** (có diện tích tự nhiên là 0,25 km², đạt 4,46% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 18.897 người, đạt 125,98% so với tiêu chuẩn) và **phường 8** (có diện tích tự nhiên là 0,23 km², đạt 4,24% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 21.188 người,

đạt 141,25% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 7** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường 7 và phường 8.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 7 và phường 8 là 02 phường có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng, trong đó, cả phường 7 và phường 8 đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập phường 7 và phường 8 nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 7 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,48 km² (đạt 8,73% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 40.085 người (đạt 267,23% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 13.024 người; chiếm tỷ lệ 32,49%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 2; Tây giáp phường 11; Nam giáp phường 5; Bắc giáp phường 9.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 8 hiện hữu.

1.3.4. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 10** (có diện tích tự nhiên là 0,23 km², đạt 4,24% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 12.872 người, đạt 85,81% so với tiêu chuẩn) và **phường 11** (có diện tích tự nhiên là 0,31 km², đạt 5,70% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 28.931 người, đạt 192,87% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 11** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường 10 và phường 11.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 10 và phường 11 là 02 phường có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả phường 10 và phường 11 đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập phường 10 và phường 11 nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai

đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 11 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,55 km² (đạt 10,00% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 41.803 người (đạt 278,69% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 11.030 người; chiếm tỷ lệ 26,38%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 5 và phường 7; Tây giáp phường 13 và phường 14; Nam giáp Quận 8; Bắc giáp phường 12.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 11 hiện hữu.

1.4. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp thuộc Quận 6

1.4.1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 2** (có diện tích tự nhiên là 0,24 km², đạt 4,44% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 12.219 người, đạt 81,46% so với tiêu chuẩn), **phường 6** (có diện tích tự nhiên là 0,31 km², đạt 5,70% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 20.884 người, đạt 139,23% so với tiêu chuẩn) và **một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 5** (0,16 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 10.667 người). Thành lập **phường 2** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 2, phường 6 và một phần của phường 5.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 2, phường 5 và phường 6 là 03 ĐVHC có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả phường 03 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các ĐVHC trên cùng thuộc quy hoạch đơn vị ở (Khu 1) theo Quyết định số 5106/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 6, là các khu ở tương đối ổn định. Định hướng cải tạo chỉnh trang; xây dựng mới một số khu vực thành khu hỗn hợp bao gồm các chức năng ở, thương mại dịch vụ, văn phòng, công trình công cộng và cây xanh nhóm nhà; tập trung các công trình thương mại - dịch vụ chính (chợ Bình Tây, trục đường Hậu Giang, đường Hồng Bàng).

Việc sắp xếp góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 2 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,72 km² (đạt 13,09% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 43.770 người (đạt 291,80% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 10.926 người; chiếm tỷ lệ 24,98%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp Quận 5; Tây giáp phường 9; Nam giáp phường 1; Bắc giáp Quận 11.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 2 hiện hữu.

1.4.2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 1** (có diện tích tự nhiên là 0,29 km², đạt 5,33% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 25.373 người, đạt 169,15% so với tiêu chuẩn); **phường 3** (có diện tích tự nhiên là 0,23 km², đạt 4,16% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.034 người, đạt 73,56% so với tiêu chuẩn) và **phường 4** (có diện tích tự nhiên là 0,21 km², đạt 3,84% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 19.164 người, đạt 127,76% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 1** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 1, phường 3 và phường 4.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 1, phường 3 và phường 4 là 03 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 03 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập 03 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Thêm vào đó, ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 1 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,73 km² (đạt 13,27% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 55.571 người (đạt 370,47% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 14.633 người; chiếm tỷ lệ 26,33%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp Quận 5; Tây giáp phường 7 và phường 8; Nam giáp Quận 8; Bắc giáp phường 2.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 4 hiện hữu.

1.4.3. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 9** (có diện tích tự nhiên là 0,27 km², đạt 4,89% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 15.184 người, đạt 101,23% so với tiêu chuẩn) và **một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 5** (0,07 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 4.893 người). Thành lập **phường 9** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 9 và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 5.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 5 và phường 9 là 02 phường có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả phường 5 và phường 9 đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp giữa phường 5 và phường 9 nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, giải quyết các bất cập trong quản lý địa giới ĐVHC của địa phương, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp thì phường 9 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,34 km² (đạt 6,18% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 20.077 người (đạt 133,85% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 4.534 người; chiếm tỷ lệ 22,58%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 2; Tây giáp phường 12; Nam giáp phường 1 và phường 8; Bắc giáp Quận 11.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 9 hiện hữu.

1.4.4. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 11** (có diện tích tự nhiên là 0,92 km², đạt 16,74% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 34.305 người, đạt 228,70% so với tiêu chuẩn) và **một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 10** (0,09 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 725 người). Thành lập **phường 11** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích

tự nhiên, quy mô dân số của phường 11 và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 10.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 10 và phường 11 là 02 phường có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, phường 11 có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp giữa phường 10 và phường 11 nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, giải quyết các bất cập trong quản lý địa giới ĐVHC của địa phương, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, điều chỉnh địa giới thì phường 11 có:

- Diện tích tự nhiên: 1,01 km² (đạt 18,36% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 35.030 người (đạt 233,53% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.838 người; chiếm tỷ lệ 10,96%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 8 và phường 9; Tây giáp quận Bình Tân; Nam giáp phường 10; Bắc giáp phường 12.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 11 hiện hữu.

c) Kết quả sau khi sắp xếp, điều chỉnh địa giới thì phường 10 còn lại:

- Diện tích tự nhiên: 1,46 km² (đạt 26,54% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 41.906 người (đạt 279,37% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.150 người; chiếm tỷ lệ 7,52%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 7 và phường 8; Tây giáp quận Bình Tân; Nam giáp Quận 8; Bắc giáp phường 11.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 10 hiện hữu.

1.4.5. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 14** (có diện tích tự nhiên là 0,43 km², đạt 7,80% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 26.817 người, đạt 178,78% so với tiêu chuẩn) và **một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 13** (0,21 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 9.060 người). Thành lập **phường 14** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 14 và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 13.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 13 và phường 14 là 02 phường có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả phường 13 và phường 14 đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp giữa phường 13 và phường 14 nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, giải quyết các bất cập trong quản lý địa giới ĐVHC của địa phương, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp thì phường 14 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,64 km² (đạt 11,64% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 35.877 người (đạt 239,18% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.033 người; chiếm tỷ lệ 8,45%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp Quận 11; Tây giáp quận Bình Tân; Nam giáp phường 9, phường 12 và phường 13; Bắc giáp quận Tân Phú.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 14 hiện hữu.

c) Kết quả sau khi sắp xếp, điều chỉnh địa giới thì phường 13 còn lại:

- Diện tích tự nhiên: 0,63 km² (đạt 11,45% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 15.347 người (đạt 102,31% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 552 người; chiếm tỷ lệ 3,60%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 12; Tây giáp quận Bình Tân; Nam giáp phường 12; Bắc giáp phường 14.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 13 hiện hữu.

1.5. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp thuộc Quận 8

1.5.1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 1** (có diện tích tự nhiên là 0,49 km², đạt 8,85% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 24.233 người, đạt 161,55% so với tiêu chuẩn); **phường 2** (có diện tích tự nhiên là 0,50 km², đạt 9,12% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 28.068 người, đạt 187,12% so với tiêu chuẩn) và **phường 3** (có diện tích tự nhiên là 0,51 km², đạt 9,27% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 28.573 người, đạt 190,49% so với

tiêu chuẩn). Thành lập phường **Rạch Ông** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 1, phường 2 và phường 3.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 1, phường 2 và phường 3 là 03 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 03 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập 03 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Thêm vào đó, ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường Rạch Ông có:

- Diện tích tự nhiên: 1,50 km² (đạt 27,27% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 80.874 người (đạt 539,16% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.563 người; chiếm tỷ lệ 6,88%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp Quận 7; Tây giáp phường 4; Nam giáp huyện Bình Chánh; Bắc giáp phường Hưng Phú và Quận 4, Quận 5.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 3 hiện hữu.

1.5.2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 8** (có diện tích tự nhiên là 0,30 km², đạt 5,52% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.970 người, đạt 79,80% so với tiêu chuẩn); **phường 9** (có diện tích tự nhiên là 0,45 km², đạt 8,12% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 19.760 người, đạt 131,73% so với tiêu chuẩn) và **phường 10** (có diện tích tự nhiên là 0,25 km², đạt 4,59% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 18.683 người, đạt 124,55% so với tiêu chuẩn). Thành lập phường **Hưng Phú** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 8, phường 9 và phường 10.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 8, phường 9 và phường 10 là 03 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 03 phường đều có tiêu

chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập 03 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Thêm vào đó, ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường Hưng Phú có:

- Diện tích tự nhiên: 1,00 km² (đạt 18,18% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 50.413 người (đạt 336,09% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.887 người; chiếm tỷ lệ 5,51%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường Rạch Ông; Tây giáp phường Xóm Củi; Nam giáp phường 4 và phường 5; Bắc giáp Quận 5.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 9 hiện hữu.

1.5.3. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 11** (có diện tích tự nhiên là 0,27 km², đạt 4,90% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.519 người, đạt 56,79% so với tiêu chuẩn); **phường 12** (có diện tích tự nhiên là 0,30 km², đạt 5,49% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 14.888 người, đạt 99,25% so với tiêu chuẩn) và **phường 13** (có diện tích tự nhiên là 0,26 km², đạt 4,65% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.704 người, đạt 64,69% so với tiêu chuẩn). Thành lập phường **Xóm Củi** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 11, phường 12 và phường 13.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 11, phường 12 và phường 13 là 03 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 03 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập 03 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh

giảm biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Thêm vào đó, ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường Xóm Củi có:

- Diện tích tự nhiên: 0,83 km² (đạt 15,09% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 33.111 người (đạt 220,74% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 12.202 người; chiếm tỷ lệ 36,85%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường Hưng Phú; Tây giáp phường 14; Nam giáp phường 4 và phường 5; Bắc giáp Quận 5.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 13 hiện hữu.

1.6. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp thuộc Quận 10

1.6.1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 6** (có diện tích tự nhiên là 0,22 km², đạt 4,01% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.872 người, đạt 79,15% so với tiêu chuẩn) và **phường 7** (có diện tích tự nhiên là 0,11 km², đạt 1,91% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 6.133 người, đạt 40,89% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 6** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 6 và phường 7.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 6 và phường 7 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 02 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập 02 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 6 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,33 km² (đạt 6,00% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 18.005 người (đạt 120,03% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.382 người; chiếm tỷ lệ 13,23%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 8; Tây giáp Quận 11; Nam giáp Quận 5; Bắc giáp phường 14.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 6 hiện hữu.

1.6.2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 5** (có diện tích tự nhiên là 0,16 km², đạt 2,91% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 21.880 người, đạt 145,87% so với tiêu chuẩn) và **phường 8** (có diện tích tự nhiên là 0,15 km², đạt 2,64% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.876 người, đạt 59,17% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 8** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 5 và phường 8.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 5 và phường 8 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 02 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập 02 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 8 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,31 km² (đạt 5,64% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 30.756 người (đạt 205,04% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 8.087 người; chiếm tỷ lệ 26,29%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 4; Tây giáp phường 6; Nam giáp Quận 5; Bắc giáp phường 9, phường 12 và phường 14.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 8 hiện hữu.

1.6.3. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 10** (có diện tích tự nhiên là 0,18 km², đạt 3,33% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 22.392 người, đạt 149,28% so với tiêu chuẩn) và **phường 11** (có diện tích tự nhiên là 0,22 km², đạt 4,06% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 14.207 người, đạt 94,71% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 10** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 10 và phường 11.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 10 và phường 11 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 02 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập 02 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 10 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,41 km² (đạt 7,45% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 36.599 người (đạt 243,99% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 942 người; chiếm tỷ lệ 2,57%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp Quận 3; Tây giáp phường 12; Nam giáp phường 9; Bắc giáp phường 12 và Quận 3.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 10 hiện hữu.

1.7. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp thuộc Quận 11

1.7.1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 1** (có diện tích tự nhiên là 0,27 km², đạt 4,89% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 17.569 người, đạt 117,13% so với tiêu chuẩn) và **phường 2** (có diện tích tự nhiên là 0,21 km², đạt 3,78% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.967 người, đạt 79,78% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 1** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 1 và phường 2.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 1 và phường 2 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 02 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

Việc sắp xếp, sáp nhập 02 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản

biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 1 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,48 km² (đạt 8,73% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 31.697 người (đạt 211,31% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 8.265 người; chiếm tỷ lệ 26,07%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 16; Tây giáp Quận 6; Nam giáp Quận 6; Bắc giáp phường 3, phường 8 và phường 10.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 1 hiện hữu.

1.7.2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 4** (có diện tích tự nhiên là 0,17 km², đạt 3,12% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.775 người, đạt 78,58% so với tiêu chuẩn); **phường 6** (có diện tích tự nhiên là 0,17 km², đạt 3,01% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 12.865 người, đạt 85,77% so với tiêu chuẩn) và **phường 7** (có diện tích tự nhiên là 0,16 km², đạt 2,95% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 15.861 người, đạt 105,74% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 7** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 4, phường 6 và phường 7.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 4, phường 6 và phường 7 là 03 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 03 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

Việc sắp xếp, sáp nhập 03 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Thêm vào đó, ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 7 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,50 km² (đạt 9,09% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 40.501 người (đạt 270,006% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 18.000 người; chiếm tỷ lệ 44,44%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp Quận 10; Tây giáp phường 8; Nam giáp Quận 5; Bắc giáp phường 11 và phường 15.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 7 hiện hữu.

1.7.3. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 8** (có diện tích tự nhiên là 0,33 km², đạt 5,97% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 22.339 người, đạt 148,93% so với tiêu chuẩn) và **phường 12** (có diện tích tự nhiên là 0,13 km², đạt 2,41% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 15.459 người, đạt 103,96% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 8** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 8 và phường 12.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 8 và phường 12 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 02 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

Việc sắp xếp, sáp nhập 02 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 8 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,46 km² (đạt 8,36% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 37.798 người (đạt 251,98% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 14.650 người; chiếm tỷ lệ 38,75%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 7; Tây giáp phường 10; Nam giáp phường 1 và phường 16; Bắc giáp phường 11.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 8 hiện hữu.

1.7.4. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 9** (có diện tích tự nhiên là 0,15 km², đạt 2,75% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 13.905 người, đạt 92,70% so với tiêu chuẩn) và **phường 10** (có diện tích tự nhiên là 0,25 km², đạt 4,62% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 15.623 người, đạt 104,15% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 10** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 9 và phường 10.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 9 và phường 10 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 02 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

Việc sắp xếp, sáp nhập 02 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 10 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,41 km² (đạt 7,45% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 29.528 người (đạt 196,85% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 13.525 người; chiếm tỷ lệ 45,80%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 8; Tây giáp phường 3; Nam giáp phường 1; Bắc giáp phường 5 và phường 14.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 10 hiện hữu.

1.7.5. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 11** (có diện tích tự nhiên là 0,24 km², đạt 4,33% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 15.887 người, đạt 105,91% so với tiêu chuẩn) và **phường 13** (có diện tích tự nhiên là 0,18 km², đạt 3,36% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 14.623 người, đạt 97,49% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 11** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 11 và phường 13.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 11 và phường 13 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong

tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 02 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

Việc sắp xếp, sáp nhập 02 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 11 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,42 km² (đạt 7,64% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 30.448 người (đạt 203,25% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 8.805 người; chiếm tỷ lệ 28,91%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 15; Tây giáp phường 10 và phường 14; Nam giáp phường 8; Bắc giáp phường 14, phường 15 và quận Tân Bình.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 11 hiện hữu.

1.8. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp thuộc quận Bình Thạnh

1.8.1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 1** (có diện tích tự nhiên là 0,27 km², đạt 4,82% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 17.164 người, đạt 114,43% so với tiêu chuẩn) và **phường 3** (có diện tích tự nhiên là 0,46 km², đạt 8,32% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 35.107 người, đạt 234,05% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 1** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 1 và phường 3.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 1 và phường 3 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 02 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập 02 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn

2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 1 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,72 km² (đạt 13,09% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 52.271 người (đạt 348,47% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 992 người; chiếm tỷ lệ 1,90%.

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 2; Tây giáp quận Phú Nhuận; Nam giáp Quận 1; Bắc giáp phường 7 và phường 24.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 1 hiện hữu.

1.8.2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 5** (có diện tích tự nhiên là 0,37 km², đạt 6,71% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 17.211 người, đạt 114,74% so với tiêu chuẩn) và **một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 6** (0,15 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 8.708 người). Thành lập **phường 5** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 5 và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 6.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 5 và phường 6 là 02 phường có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả phường 5 và phường 6 có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp giữa phường 5 và phường 6 nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, giải quyết các bất cập trong quản lý địa giới ĐVHC của địa phương, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, điều chỉnh địa giới thì phường 5 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,52 km² (đạt 9,45% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 25.919 người (đạt 172,79% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 411 người; chiếm tỷ lệ 1,58%.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Đông giáp phường 7; Tây giáp quận Gò Vấp; Nam giáp quận Phú Nhuận; Bắc giáp phường 11 và quận Gò Vấp.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 5 hiện hữu.

1.8.3. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 7** (có diện tích tự nhiên là 0,40 km², đạt 7,20% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 33.102 người, đạt 220,68% so với tiêu chuẩn) và **một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 6** (0,15 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 8.708 người). Thành lập **phường 7** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 7 và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 6.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 6 và phường 7 là 02 phường có vị trí địa lý liên kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả phường 6 và phường 7 đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp giữa phường 6 và phường 7 nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, giải quyết các bất cập trong quản lý địa giới ĐVHC của địa phương, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, điều chỉnh địa giới thì phường 7 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,55 km² (đạt 10,00% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 41.810 người (đạt 278,73% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 423 người; chiếm tỷ lệ 1,01%.

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Đông giáp phường 24; Tây giáp phường 5; Nam giáp phường 1 và quận Phú Nhuận; Bắc giáp phường 11.

- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 7 hiện hữu.

1.8.4. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 11** (có diện tích tự nhiên là 0,77 km², đạt 14,07% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 38.861 người, đạt 259,07% so với tiêu chuẩn) và **một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 13** (0,02 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 302 người). Thành lập **phường 11** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ

diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 11 và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 13.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 11 và phường 13 là 02 phường có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, phường 11 có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp giữa phường 11 và phường 13 nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, giải quyết các bất cập trong quản lý địa giới ĐVHC của địa phương, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, điều chỉnh địa giới thì phường 11 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,79 km² (đạt 14,36% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 39.163 người (đạt 261,09% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 932 người; chiếm tỷ lệ 2,38%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 12; Tây giáp quận Gò Vấp; Nam giáp phường 5 và phường 7; Bắc giáp phường 13.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 11 hiện hữu.

c) Kết quả sau khi sắp xếp, điều chỉnh địa giới thì phường 13 còn lại:

- Diện tích tự nhiên: 2,58 km² (đạt 46,91% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 50.141 người (đạt 334,27% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 837 người; chiếm tỷ lệ 1,67%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp thành phố Thủ Đức; Tây giáp quận Gò Vấp; Nam giáp phường 11, phường 12 và phường 26; Bắc giáp Quận 12 và thành phố Thủ Đức.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 13 hiện hữu.

1.8.5. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 2** (có diện tích tự nhiên là 0,32 km², đạt 5,82% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 20.856 người, đạt 139,04% so với tiêu chuẩn) và **phường 15** (có diện tích tự nhiên là 0,52 km², đạt 9,43% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 24.641 người, đạt

164,27% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 15** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 2 và phường 15.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 2 và phường 15 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 02 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập 02 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 15 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,84 km² (đạt 15,27% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 45.497 người (đạt 303,31% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 798 người; chiếm tỷ lệ 1,75%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 17; Tây giáp phường 1; Nam giáp Quận 1; Bắc giáp phường 24 và phường 25.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 15 hiện hữu.

1.8.6. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 19** (có diện tích tự nhiên là 0,39 km², đạt 7,17% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 40.610 người, đạt 270,73% so với tiêu chuẩn) và **phường 21** (có diện tích tự nhiên là 0,40 km², đạt 7,20% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 25.875 người, đạt 172,50% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 19** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 19 và phường 21.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 19 và phường 21 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 02 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập 02 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh

giảm biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 19 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,79 km² (đạt 14,36% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 66.485 người (đạt 443,23% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.008 người; chiếm tỷ lệ 1,52%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 22; Tây giáp phường 17; Nam giáp Quận 1; Bắc giáp phường 25.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 21 hiện hữu.

1.8.7. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 14** (có diện tích tự nhiên là 0,32 km², đạt 5,87% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 12.369 người, đạt 82,46% so với tiêu chuẩn) và **phường 24** (có diện tích tự nhiên là 0,57 km², đạt 10,35% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 35.366 người, đạt 235,77% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 24** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 14 và phường 24.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 14 và phường 24 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 02 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập 02 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 24 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,89 km² (đạt 16,18% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 47.735 người (đạt 318,23% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 586 người; chiếm tỷ lệ 0,88%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 25; Tây giáp phường 7; Nam giáp phường 1 và phường 15; Bắc giáp phường 12 và phường 26.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 24 hiện hữu.

1.9. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp thuộc quận Gò Vấp

1.9.1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 1** (có diện tích tự nhiên là 0,59 km², đạt 10,65% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 25.401 người, đạt 169,34% so với tiêu chuẩn); **phường 4** (có diện tích tự nhiên là 0,37 km², đạt 6,80% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 17.574 người, đạt 117,16% so với tiêu chuẩn) và **phường 7** (có diện tích tự nhiên là 0,97 km², đạt 17,70% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 49.020 người, đạt 326,80% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 1** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 1, phường 4 và phường 7.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 1, phường 4 và phường 7 là 03 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, phường 1 và phường 4 đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập 03 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Thêm vào đó, ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp đảm bảo tiêu chuẩn của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 1 có:

- Diện tích tự nhiên: 1,93 km² (đạt 35,09% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 91.995 người (đạt 613,30% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 40 người; chiếm tỷ lệ 0,04%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 5; Tây giáp phường 3; Nam giáp quận Phú Nhuận và quận Bình Thạnh; Bắc giáp phường 10, phường 16 và phường 17.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 1 hiện hữu.

1.9.2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 8** (có diện tích tự nhiên là 1,17 km², đạt 21,23% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 32.464 người, đạt 216,43% so với tiêu chuẩn) và **phường 9** (có diện tích tự

nhiên là 0,84 km², đạt 15,24% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 31.799 người, đạt 211,99% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 8** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 8 và phường 9.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 8 và phường 9 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, phường 9 có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập 02 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 8 có:

- Diện tích tự nhiên: 2,01 km² (đạt 36,47% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 64.263 người (đạt 428,42% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 54 người; chiếm tỷ lệ 0,08%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 11; Tây giáp phường 14; Nam giáp phường 12 và quận Tân Bình; Bắc giáp phường 14 và phường 16.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 8 hiện hữu.

1.9.3. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 14** (có diện tích tự nhiên là 2,10 km², đạt 38,09% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 60.222 người, đạt 401,48% so với tiêu chuẩn) và **một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 13** (0,28 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 4.733 người). Thành lập **phường 14** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 14 và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 13.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 13 và phường 14 là 02 phường có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, phường 13 có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp giữa phường 13 và phường 14 nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, giải quyết các bất cập trong quản lý địa giới ĐVHC của địa phương, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, điều chỉnh địa giới thì phường 14 có:

- Diện tích tự nhiên: 2,38 km² (đạt 43,19% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 64.955 người (đạt 433,03% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 255 người; chiếm tỷ lệ 4,42%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 8; Tây giáp Quận 12; Nam giáp phường 8 và phường 12; Bắc giáp phường 15 và Quận 12.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 14 hiện hữu.

1.9.4. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 15** (có diện tích tự nhiên là 1,43 km², đạt 26,01% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 40.232 người, đạt 268,21% so với tiêu chuẩn) và **một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 13** (0,58 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số 18.904 người). Thành lập **phường 15** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 15 và một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 13.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 13 và phường 15 là 02 phường có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, phường 13 có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp giữa phường 13 và phường 15 nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, giải quyết các bất cập trong quản lý địa giới ĐVHC của địa phương, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, điều chỉnh địa giới thì phường 15 có:

- Diện tích tự nhiên: 2,01 km² (đạt 36,55% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 59.136 người (đạt 394,24% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 34 người; chiếm tỷ lệ 0,06%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 17; Tây giáp phường 14; Nam giáp phường 6; Bắc giáp Quận 12.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 15 hiện hữu.

1.10. Sắp xếp ĐVHC cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp thuộc quận Phú Nhuận

1.10.1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 3** (có diện tích tự nhiên là 0,18 km², đạt 3,36% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 23.776 người, đạt 158,51% so với tiêu chuẩn) và **phường 4** (có diện tích tự nhiên là 0,28 km², đạt 5,12% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 42.948 người, đạt 286,32% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 4** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 3 và phường 4.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 3 và phường 4 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả phường 3 và phường 4 đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập 02 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 4 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,46 km² (đạt 8,48% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 66.724 người (đạt 444,83% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 305 người; chiếm tỷ lệ 0,46%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 5; Tây giáp phường 9; Nam giáp phường 1 và phường 2; Bắc giáp quận Gò Vấp.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 4 hiện hữu.

1.10.2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của **phường 15** (có diện tích tự nhiên là 0,23 km², đạt 4,22% so với tiêu chuẩn; quy mô dân

số là 26.488 người, đạt 176,59% so với tiêu chuẩn) và **phường 17** (có diện tích tự nhiên là 0,15 km², đạt 2,65% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 20.990 người, đạt 139,93% so với tiêu chuẩn). Thành lập **phường 15** trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường 15 và phường 17.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Phường 15 và phường 17 là 02 ĐVHC cấp xã có vị trí địa lý liền kề, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và dân tộc, trong đó, cả 02 phường đều có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng, thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Việc sắp xếp, sáp nhập 02 phường nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo sự đồng thuận của Nhân dân, gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, sáp nhập thì phường 15 có:

- Diện tích tự nhiên: 0,38 km² (đạt 6,86% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 47.478 người (đạt 316,52% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.429 người; chiếm tỷ lệ 5,12%.
- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Đông giáp phường 1 và phường 2; Tây giáp phường 8; Nam giáp phường 12 và Quận 3; Bắc giáp phường 1, phường 2, phường 4 và phường 9.
- Nơi đặt trụ sở làm việc: Dự kiến trụ sở ĐVHC cấp xã mới thành lập đặt tại phường 17 hiện hữu.

III. LÝ DO ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP TRONG GIAI ĐOẠN 2023 - 2030 NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ NGHỊ KHÔNG (HOẶC CHƯA) THỰC HIỆN SẮP XẾP HOẶC SẮP XẾP NHƯNG CHƯA ĐẠT TIÊU CHUẨN THEO QUY ĐỊNH

Để đảm bảo tính ổn định cho việc phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đồng thời phù hợp với Đề án quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, Thành phố tiến hành rà soát xây dựng phương án sắp xếp đơn vị hành chính cả 02 giai đoạn 2023 - 2025 và 2026 - 2030 **thực hiện sắp xếp chung 01 lần trong giai đoạn hiện nay**, do số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh bắt buộc thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2030 rất lớn, nhất là trong giai đoạn 2023 - 2025. Vì vậy, dự báo công tác sắp xếp đơn vị hành chính trong giai đoạn này sẽ tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội

ở địa phương. Cụ thể:

1. Mặt tích cực

Giảm số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, góp phần tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, giảm chi ngân sách nhà nước, mở rộng không gian phát triển, phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương; các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị ở những địa phương thực hiện sắp xếp được kiện toàn và bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; đời sống Nhân dân ổn định¹.

2. Mặt hạn chế

Từ thực tiễn thực hiện Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021, Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021, Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức cho thấy bên cạnh mặt tích cực nêu trên, công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn có những hạn chế sau:

- Đặc thù các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích tự nhiên rất nhỏ, nhưng quy mô dân số rất lớn, vượt nhiều so với quy định và có xu hướng tiếp tục gia tăng trong thời gian tới. Vì vậy, nếu nhập 02 đơn vị hành chính hoặc nhập 03 đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thành 01 đơn vị hành chính mới cũng không đạt tiêu chuẩn diện tích tự nhiên theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

Bên cạnh đó, sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, quy mô dân số và diện tích tự nhiên sẽ lớn hơn, khối lượng công việc nhiều hơn nhưng chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức không tăng; đồng thời tại các đơn vị lớn sau khi nhập, số lượng hộ dân lớn, nhưng cách thức vận hành cũ, chức năng, nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách không thay đổi trong điều kiện đô thị thay đổi thì mục tiêu của sắp xếp là nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý Nhà nước không cao.

- Việc sắp xếp số lượng lớn đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong thời gian rất ngắn, đặc biệt trong giai đoạn 2023 - 2025, là giai đoạn Thành phố Hồ Chí Minh đang tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố, cũng như thực hiện nhiều chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sau đại

¹ Nội dung này được trích tại khoản 1 Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị

dịch COVID-19 và hiện đang tiến hành sắp xếp lại khu phố, ấp mới theo quy định Trung ương, sẽ sắp xếp lại 27.377 tổ chức gồm 2008 khu phố (1.604), ấp (404) và 25.369 tổ dân phố (19.574), tổ nhân dân (5.795) thành 4.850 khu phố và ấp mới có quy mô số hộ theo quy định của Trung ương (đang xây dựng Đề án), giảm 22.527 tổ chức dưới cấp xã; số lượng người tham gia của các tổ chức này từ 64.293 người (gồm 17.407 người tham gia ở khu phố, ấp và 46.886 người tham gia tổ dân phố, tổ nhân dân) dự kiến còn 24.250 người, giảm 40.043 người, ... sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc đưa những cơ chế, chính sách đặc thù vào thực tiễn, ảnh hưởng lớn đến lực lượng chính trị nòng cốt và cả hệ thống chính trị ở cơ sở trong giai đoạn hiện nay; đồng thời ảnh hưởng đến tiến độ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, do các cơ quan dành nhiều thời gian vào công tác sắp xếp; đồng thời ảnh hưởng rất lớn đến người dân, tổ chức và doanh nghiệp do phải điều chỉnh hàng loạt giấy tờ có liên quan, ... Mặt khác, số các vụ án phạm pháp hình sự, kinh tế, ... trọng án của Thành phố rất lớn, đa số các loại tội phạm kể cả quốc tế đều tập trung tại Thành phố, do đó tác động, ảnh hưởng đến trong việc tiến hành sắp xếp đơn vị hành chính.

- Sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, đơn vị hành chính mới được hình thành có diện tích tự nhiên rộng hơn, quy mô dân số lớn hơn, công tác quản lý địa bàn, quản lý Nhà nước sẽ phức tạp hơn. Trụ sở cơ quan hành chính mới không nằm ở trung tâm địa bàn, nên người dân, tổ chức, doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn khi có nhu cầu đến thực hiện giao dịch.

- Thực hiện việc sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sẽ tác động đến tâm lý, tư tưởng, quyền lợi của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách dôi dư, phải nghỉ việc hoặc phải điều chuyển đến đơn vị khác nên có phần ảnh hưởng đến hiệu quả công tác của cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách trong thời gian đầu thực hiện công tác sắp xếp. Mặt khác, công tác giải quyết số cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư sau sắp xếp gặp nhiều khó khăn do đa số cán bộ, công chức, viên chức đã được chuẩn hóa theo quy định.

- Việc xử lý tài sản, trụ sở dư thừa do sắp xếp đơn vị hành chính để không lãng phí, hư hỏng cũng gặp nhiều khó khăn. Một số trụ sở có thể đấu giá nhưng một số sẽ khó khăn khi kêu gọi doanh nghiệp đầu tư, do phải thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng và đảm bảo phù hợp với quy hoạch.

3. Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc trung ương, thuộc loại đô thị đặc biệt ở Việt Nam, là đầu tàu kinh tế của đất nước. Vì vậy, để bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, phát triển kinh tế, “không gây xáo trộn lớn” trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018, Ủy ban nhân dân thành phố vận dụng 07 yếu tố đặc thù, cụ thể như sau:

3.1. Yếu tố thứ nhất

Điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 quy định: Đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp, nhưng có địa giới đơn vị hành chính đã hình thành ổn định và từ năm 1945 đến nay, chưa có thay đổi, điều chỉnh lần nào thì không bắt buộc thực hiện sắp xếp.

Thực tiễn của Thành phố Hồ Chí Minh là sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, ngày 02 tháng 7 năm 1976, Quốc hội khóa đầu tiên đã ban hành Nghị quyết về việc chính thức đặt tên Thành phố Sài Gòn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời ngày 10 tháng 5 năm 1976 Ủy ban nhân dân Cách mạng Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 300/QĐ-UB về điều chỉnh Thành phố còn 03 cấp.

Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất vận dụng điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 vào tình hình thực tiễn của Thành phố như sau: ***Đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp, nhưng có địa giới đơn vị hành chính đã hình thành ổn định và từ khi có Quyết định số 300/QĐ-UB ngày 10 tháng 5 năm 1976 của Ủy ban nhân dân Cách mạng Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh Thành phố còn 03 cấp đến nay, chưa có thay đổi, điều chỉnh lần nào thì không bắt buộc thực hiện sắp xếp.***

3.2. Yếu tố thứ hai

Điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 quy định: Đơn vị hành chính nông thôn thuộc diện sắp xếp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển thành đơn vị hành chính đô thị trong giai đoạn 2023 - 2030, có diện tích tự nhiên và quy mô dân số đạt tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đô thị theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính thì không bắt buộc sắp xếp.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã quyết nghị “Xây dựng đề án chuyển một số huyện thành quận giai đoạn 2021 - 2030”; đồng thời ngày 26 tháng 5 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 642/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Một trong những yêu cầu về nội dung lập quy hoạch được nêu tại điểm 1 Mục III Điều 1 của Quyết định nêu trên là “Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bố nguồn lực nhằm chuyển đổi các huyện thành quận, thành phố trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh”. Hiện nay, 05 huyện trên địa bàn Thành phố đang hoàn chỉnh hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư - xây dựng huyện thành thành phố trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030.

Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất vận dụng điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 vào tình hình thực tiễn của Thành phố như sau: ***Đơn vị hành chính nông thôn thuộc diện sắp xếp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Nhiệm vụ làm quy hoạch phát triển thành đơn vị hành***

chính đô thị trong giai đoạn 2023 - 2030, có diện tích tự nhiên và quy mô dân số đạt tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đô thị theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính thì không bắt buộc thực hiện sắp xếp.

3.3. Yếu tố thứ ba

Về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đô thị có yếu tố đặc thù, khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 quy định:

“...3. Đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã có 02 yếu tố đặc thù sau đây thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số, tiêu chuẩn tỷ lệ số phòng trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã (nếu có) bằng 50% mức quy định đối với đơn vị hành chính đô thị tương ứng; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Mục này:

a) Có di sản văn hóa vật thể được UNESCO công nhận hoặc có di sản văn hóa vật thể được cấp có thẩm quyền xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt;

b) Được xác định hoặc trực thuộc đơn vị hành chính được xác định là trung tâm du lịch quốc gia hoặc quốc tế trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt...”

Quận 1 có di tích lịch sử Dinh Thống Nhất, nơi ghi dấu thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước được Thủ tướng xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt tại Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2009; đồng thời tại tiết 7.1.2, điểm 7.1, khoản 7, mục I, phần I Báo cáo tổng hợp Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam (thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045) của Tổng cục Du lịch - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xác định trong quá trình phát triển du lịch ở Việt Nam đã hình thành 03 trung tâm du lịch cấp quốc gia gồm Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng; đồng thời khẳng định Thành phố Hồ Chí Minh giữ vai trò là trung tâm du lịch quốc gia và khu vực phía Nam.

Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất vận dụng điểm khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 vào tình hình thực tiễn của Thành phố như sau: ***Đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã có 02 yếu tố đặc thù sau đây thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định đối với đơn vị hành chính đô thị tương ứng:***

- Có di sản văn hóa vật thể được UNESCO công nhận hoặc có di sản văn hóa vật thể được cấp có thẩm quyền xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt.

- Được xác định hoặc trực thuộc đơn vị hành chính được xác định là trung tâm du lịch quốc gia hoặc quốc tế trong Nhiệm vụ quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.4. Yếu tố thứ tư

Thực tiễn của Thành phố Hồ Chí Minh là các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn Thành phố có diện tích tự nhiên rất nhỏ, nhưng hoạt động kinh tế trên các đơn vị hành chính này rất phát triển vì vậy chỉ tiêu thu nộp ngân sách hằng năm rất cao, đặc biệt một số đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đạt chỉ tiêu thu nộp ngân sách hằng năm cao hơn một số đơn vị hành chính cấp tỉnh. Cụ thể:

Đơn vị	Thu nộp ngân sách năm 2022	Thu nộp ngân sách 6 tháng đầu năm 2023
Quận 1	42.902 tỷ đồng	18.975 tỷ đồng
Quận 3	5.884 tỷ đồng	2.790 tỷ đồng
Quận 4	1.503 tỷ đồng	794 tỷ đồng
Quận 5	2.175 tỷ đồng	1.132 tỷ đồng
Quận 6	1.098 tỷ đồng	566 tỷ đồng
Quận 10	2.363 tỷ đồng	1.375 tỷ đồng
Quận 11	1.461 tỷ đồng	587 tỷ đồng
Quận Phú Nhuận	10.561 tỷ đồng	4.880 tỷ đồng
Huyện Nhà Bè	1.129 tỷ đồng	512 tỷ đồng
Tỉnh Hà Giang	2.217 tỷ đồng	695 tỷ đồng
Tỉnh Cao Bằng	1.575 tỷ đồng	588 tỷ đồng
Tỉnh Tuyên Quang	2.662 tỷ đồng	1.152 tỷ đồng

Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất tính đến yếu tố đặc thù nêu trên của đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn Thành phố để đề xuất Trung ương chấp thuận chủ trương: ***Đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn Thành phố có hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển ổn định. Thu ngân sách nhà nước hàng năm đạt từ 1.000 tỷ đồng trở lên thì không bắt buộc thực hiện sắp xếp.***

3.5. Yếu tố thứ năm

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị đặc biệt, một trong những đặc thù của Thành phố là các đơn vị hành chính quận trực thuộc có diện tích rất nhỏ, có số phường trực thuộc không nhiều. Trong khi khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 quy định sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trừ trường hợp nhập từ 03 đơn vị hành chính cùng cấp trở lên.

Thực tiễn của Thành phố Hồ Chí Minh là hầu hết các phường trên địa bàn Thành phố có diện tích rất nhỏ, không đạt chuẩn. Nếu thực hiện đúng theo

quy định này thì sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, nhiều đơn vị hành chính quận không đảm bảo được số lượng tối thiểu đơn vị hành chính phường trực thuộc theo quy định tại khoản 5 điều 1 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (tiêu chuẩn của quận là phải có từ 10 phường trở lên).

Cụ thể Quận 1 hiện có 10 phường, giai đoạn 2023 - 2025 có 09/10 phường thuộc diện phải sắp xếp. Các phường trên địa bàn Quận 1 có diện tích rất nhỏ, nếu nhập 02 phường lại thì phường mới hình thành sau sắp xếp không đạt chuẩn diện tích tối thiểu 5,5 km². Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 phải nhập 03 phường lại để hình thành phường mới. Do đó, sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, Quận 1 chỉ còn lại 04 phường trực thuộc.

Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất tính đến yếu tố đặc thù nêu trên của đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn Thành phố để đề xuất Trung ương chấp thuận chủ trương: ***Đơn vị hành chính quận có từ 10 đơn vị hành chính phường trực thuộc trở lên thì chỉ thực hiện sắp xếp một số phường, để đảm bảo sau khi sắp xếp đơn vị hành chính quận phải có tối thiểu 10 phường trực thuộc.***

3.6. Yếu tố thứ sáu

- Khoản 2 điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 quy định trong giai đoạn 2023 - 2025 không bắt buộc thực hiện sắp xếp đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được sắp xếp trong giai đoạn 2019 - 2021; đồng thời về quan điểm chỉ đạo tại khoản 1 mục II Nghị quyết số 37-NQ/TW cũng đã nêu việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải bảo đảm không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cuộc sống của Nhân dân.

- Trong giai đoạn 2023 - 2030, thành phố Thủ Đức có 03 phường thuộc diện sắp xếp đó là phường An Lợi Đông, phường Phước Bình, phường Bình Thọ. Mặc dù 03 phường này chưa sắp xếp trong giai đoạn 2019 - 2021, nhưng người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn 03 phường này đã chịu ảnh hưởng, điều chỉnh lại giấy tờ có liên quan đến địa chỉ khi nhập 03 đơn vị hành chính Quận 2, Quận 9 và quận Thủ Đức của giai đoạn 2019 - 2021 để thành lập đơn vị hành chính thành phố Thủ Đức. Do đó, nếu giai đoạn 2023 - 2030 sắp xếp 03 phường này thì người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn phường tiếp tục chịu ảnh hưởng và điều chỉnh lại giấy tờ có liên quan.

Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất vận dụng khoản 2 điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 vào tình hình thực tiễn của thành phố Thủ Đức như sau: ***Trong giai đoạn 2023 - 2030 không bắt buộc thực hiện sắp xếp đối với các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc đơn vị hành chính cấp huyện đã được sắp xếp trong giai đoạn 2019 - 2021.***

3.7. Yếu tố thứ bảy

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị đặc biệt, một trong những đặc thù của Thành phố là các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trực thuộc tuy có diện tích rất nhỏ, nhưng mật độ dân số trung bình cao, thủ tục hành chính phát sinh hằng ngày của các tổ chức và công dân trên địa bàn rất lớn cần được Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã phục vụ, giải quyết kịp thời.

Theo thống kê, một số đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có mật độ dân số và số lượng thủ tục hành chính phải giải quyết cho các tổ chức và công dân trên địa bàn hằng năm cao hơn một số đơn vị hành chính cấp tỉnh. Cụ thể:

- Năm 2022, các quận, huyện và thành phố Thủ Đức đã giải quyết 9.783.099 hồ sơ. Trong đó, Quận 1 (888.447 hồ sơ), Quận 3 (294.551 hồ sơ), Quận 4 (343.364 hồ sơ), Quận 5 (274.353 hồ sơ), Quận 6 (206.695 hồ sơ), Quận 10 (733.369 hồ sơ), Quận 11 (595.301 hồ sơ), quận Phú Nhuận (428.516 hồ sơ), huyện Nhà Bè (156.832 hồ sơ).

- 06 tháng đầu năm 2023, các quận, huyện, thành phố Thủ Đức đã giải quyết 4.554.476 hồ sơ. Trong đó, Quận 1 (913.100 hồ sơ), Quận 3 (149.052 hồ sơ), Quận 4 (120.219 hồ sơ), Quận 5 (103.158 hồ sơ), Quận 6 (71.025 hồ sơ), Quận 10 (386.814 hồ sơ), Quận 11 (252.652 hồ sơ), quận Phú Nhuận (181.174 hồ sơ), huyện Nhà Bè (91.774 hồ sơ).

Nếu các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã liền kề đều có mật độ dân số và số lượng thủ tục hành chính phải giải quyết cho các tổ chức và công dân trên địa bàn hằng năm rất cao được sắp xếp, nhập lại thành đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã mới, thì đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã mới được hình thành sau sắp xếp cũng sẽ tiếp tục rơi vào tình trạng có mật độ dân số trung bình rất cao và số lượng thủ tục hành chính phải giải quyết cho các tổ chức và công dân trên địa bàn hằng năm rất lớn, trong khi tổ chức bộ máy sau sắp xếp được sắp xếp sẽ giảm số lượng cán bộ, công chức lại, ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ các tổ chức, doanh nghiệp và công dân trên địa bàn của đơn vị hành chính sau khi sắp xếp.

Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất tính đến yếu tố đặc thù nêu trên của đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn Thành phố đề xuất Trung ương chấp thuận chủ trương: ***Không sắp xếp đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã liền kề mà sau khi sắp xếp thành đơn vị hành chính mới, khối lượng công việc của cán bộ, công chức tăng lên hơn 50% so với thời điểm trước khi sắp xếp đơn vị hành chính.***

IV. SỐ LƯỢNG ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH SAU SẮP XẾP

1. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã trước khi sắp xếp

a) ĐVHC cấp huyện: 22 đơn vị (gồm: 16 quận, 01 thành phố và 05 huyện).

b) ĐVHC cấp xã: 312 đơn vị (gồm: 249 phường, 05 thị trấn và 58 xã).

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp

a) ĐVHC cấp huyện: 22 đơn vị (gồm: 16 quận, 01 thành phố và 05 huyện).

b) ĐVHC cấp xã: 273 đơn vị (gồm: 210 phường, 05 thị trấn và 58 xã).

3. Số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giảm do sắp xếp

a) ĐVHC cấp huyện: giảm 0 đơn vị.

b) ĐVHC cấp xã: giảm 39 đơn vị (39 phường).

V. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. Kế hoạch và lộ trình thực hiện

1.1. Năm 2023

- Căn cứ các chính sách, pháp luật liên quan đến sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đã được cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, tiến hành cập nhật hoặc ban hành mới các chế độ, chính sách nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn, khắc phục những tồn tại, hạn chế, vướng mắc khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021 và tạo thuận lợi cho việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Trên cơ sở hợp phân Phương án sắp xếp của các địa phương, tiến hành việc xây dựng Phương án tổng thể, Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định. Khuyến khích các địa phương chủ động đề xuất sắp xếp đơn vị hành chính phù hợp với thực tiễn địa phương (kể cả các đơn vị hành chính đã đảm bảo tiêu chuẩn) để giảm số lượng đơn vị hành chính, giải quyết các vấn đề còn bất hợp lý về phân định địa giới đơn vị hành chính, tinh gọn tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và đời sống của Nhân dân.

1.2. Năm 2024

- Hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Tập trung giải quyết dứt điểm chế độ, chính sách dôi dư tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai

đoạn 2019 - 2021; giải quyết chế độ, chính sách dôi dư tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức tại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi của đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù tại các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

1.3. Năm 2025

- Tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 (trong đó có những đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025).

- Tiếp tục giải quyết chế độ, chính sách dôi dư tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và những người dôi dư sau Đại hội Đảng bộ cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2025 - 2030 ở những đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã hình thành sau khi sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Tiếp tục sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Hoàn thành thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức do thay đổi địa giới, tên gọi của đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù tại các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Triển khai công tác lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Sơ kết việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

2. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện

Theo quy định tại Điều 22 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và Nghị quyết 117-NQ/CP ngày 30 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên

trong khoản ngân sách nhà nước đã được giao trong thời kỳ ổn định ngân sách; ngân sách trung ương hỗ trợ một lần cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhận bổ sung cân đối ngân sách với định mức 20 tỷ đồng cho mỗi ĐVHC cấp huyện giảm, 500 triệu đồng cho mỗi ĐVHC cấp xã giảm để hỗ trợ đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Phương án tổng thể sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 của Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nguyên tắc, yêu cầu sắp xếp, tổ chức, tăng quy mô đơn vị hành chính; góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của tổ chức chính trị, quản lý chính quyền cơ sở; cơ cấu và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phát huy tiềm năng, nội lực, hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội; phù hợp với các chủ trương và định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Quá trình tổ chức lập phương án tổng thể sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 của Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo khách quan, dân chủ, công khai, minh bạch; trình tự, thủ tục đúng quy định của pháp luật; việc xác định tên gọi của đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp, lựa chọn vị trí đặt công sở, các chế độ, chính sách đặc thù,... khi thực hiện phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 đã được các địa phương, đơn vị tập trung tuyên truyền, triển khai sâu rộng, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn Thành phố.

Kết quả sau sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, Thành phố thực hiện đúng nguyên tắc theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030. Sau khi hoàn thành sắp xếp, các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có liên quan đều đảm bảo các yếu tố đặc thù về truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán, giao dịch hành chính của công dân, ổn định tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, quản lý của chính quyền, bố trí cán bộ, công chức, viên chức; đảm bảo đúng định hướng quy hoạch, chất lượng đô thị sau sắp xếp theo Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn Thành phố nói chung và các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trực thuộc nói riêng; gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; bảo đảm sự đồng thuận của Nhân dân trên địa bàn. Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn Thành phố tuy có làm xáo trộn cuộc sống của người dân trong thời gian đầu nhưng với truyền thống đoàn kết dân

tộc, lịch sử, văn hóa của địa phương nên đời sống của người dân sẽ sớm ổn định và tiếp tục phát triển trong thời kỳ mới.

Trên đây là Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 của Thành phố Hồ Chí Minh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH